**Thông báo dự thảo và quy định có hiệu lực về an toàn thực phẩm và kiểm dịch động,   
thực vật của các thành viên Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) từ ngày 21/3-20/4/2023**

1. **Danh sách dự thảo lấy ý kiến góp ý**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã WTO** | **Lĩnh vực** | **Quốc gia/ Khu vực** | **Ngày thông báo** | **Tiêu đề** | **Tóm tắt nội dung** |
| 1 | G/SPS/N/USA/3379 | BVTV | Hoa Kỳ | 20/4/2023 | Quy tắc được đề xuất: Quy định về hoa cắt cành; Loại bỏ các điều khoản liên quan đến nấm trên cây hoa cúc trắng “Chrysanthemum White Rust-Related’’ | Cơ quan kiểm dịch động thực vật Hoa Kỳ sửa đổi các quy định quản lý việc nhập khẩu hoa cắt cành, loại bỏ các yêu cầu đối với việc nhập khẩu các loại hoa cắt cành cụ thể khỏi các quy định và thay vào đó là liệt kê chúng trong cơ sở dữ liệu của Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ có tên là “Yêu cầu nhập khẩu hàng hóa Nông nghiệp”. Các bản cập nhật cho các yêu cầu này sẽ diễn ra thông qua quy trình cơ bản thay vì xây dựng quy tắc. Đề xuất loại bỏ hoàn toàn bất kỳ hạn chế nào đối với việc nhập khẩu hoa cắt cành thuộc các chi *Chrysanthemum, Leucanthemella* và *Nipponanthemum* từ các quốc gia có tồn tại nấm trên cây hoa cúc trắng (*Puccinia horiana P. Henn.,* CWR). Đối với quy định được đề xuất sau này, APHIS chuẩn bị một bản phân tích sẽ cung cấp để công khai xem xét và nhận xét, đánh giá tính hiệu quả của các yêu cầu pháp lý hiện hành trong việc ngăn chặn sự lây lan của CWR và các tác động kinh tế có thể có liên quan đến việc loại bỏ các yêu cầu này. Những thay đổi này sẽ cho phép sử dụng phương pháp sắp xếp hợp lý, dựa trên thông báo để cập nhật các yêu cầu nhập khẩu đối với hoa cắt cành và nó sẽ loại bỏ các hạn chế cụ thể của CWR đối với việc nhập khẩu hoa cắt cành. [Đăng ký liên bang Vol. 88, số 73, Thứ Hai ngày 17 tháng 4 năm 2023, trang 23365-23368] |
| 2 | G/SPS/N/UKR/199 | ATTP, BVTV | Ucraina | 20/4/2023 | Lệnh của Bộ Y tế Ucraina số 412 "Về việc phê duyệt các sửa đổi đối với các tiêu chuẩn và quy định vệ sinh để sử dụng an toàn thuốc trừ sâu và hóa chất nông nghiệp." ngày 28 tháng 2 năm 2023. | Lệnh phê duyệt các tiêu chuẩn vệ sinh và quy định về sử dụng an toàn thuốc trừ sâu và hóa chất nông nghiệp. |
| 3 | G/SPS/N/KGZ/27 | BVTV | Cộng hòa Kyrgyz | 20/4/2023 | Dự thảo của Hội đồng Ủy ban Kinh tế Á-Âu về Sửa đổi Quyết định của Ủy ban Liên minh Hải quan ngày 18 tháng 6 năm 2010 Số 318. | Dự thảo quy định nhằm mục đích sử dụng hệ thống đánh giá rủi ro kiểm dịch thực vật khi lựa chọn các quy trình để kiểm soát kiểm dịch thực vật, cũng như đưa ra quyết định thống nhất liên quan đến các lô sản phẩm phải kiểm dịch khi có sự không nhất quán được xác định trong giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật và chứng từ vận chuyển và khi phát hiện sinh vật gây hại. |
| 4 | G/SPS/N/BDI/51, G/SPS/N/KEN/207 G/SPS/N/RWA/44, G/SPS/N/TZA/265 G/SPS/N/UGA/248 | TY | Các quốc gia Đông Phi | 20/4/2023 | DEAS 1136: 2023, Sản phẩm thịt xay sống — Đặc điểm kỹ thuật, Phiên bản đầu tiên | Dự thảo tiêu chuẩn của Đông Phi này quy định về yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với các sản phẩm thịt xay/băm sống. Những sản phẩm này bao gồm, nhưng không giới hạn các loại: thịt viên, chả miếng, hăm-bơ-gơ, thịt cuộn và thịt nướng xay được dùng để chế biến thêm trước khi tiêu thụ. Tiêu chuẩn này không bao gồm xúc xích thịt. |
| 5 | G/SPS/N/BDI/50, G/SPS/N/KEN/206 G/SPS/N/RWA/43, G/SPS/N/TZA/264 G/SPS/N/UGA/247 | TY | Các quốc gia Đông Phi | 20/4/2023 | DEAS 1138: 2023, Thiết kế và vận hành của lò mổ/lò giết mổ — Yêu cầu cơ bản, Phiên bản đầu tiên | Dự thảo Tiêu chuẩn của Đông Phi này bao gồm sơ đồ bố trí điển hình đảm bảo vệ sinh, các yêu cầu cơ bản đối với lò mổ hoặc lò giết mổ để tiến hành giết mổ động vật làm thực phẩm |
| 6 | G/SPS/N/ZAF/80 | BVTV, CLCB, CT, TY | Nam Phi | 19/4/2023 | Các quy định liên quan đến việc ghi nhãn và quảng cáo thực phẩm (SỐ R3287 ngày 14 tháng 4 năm 2023) được công bố để lấy ý kiến công khai | Dự thảo Quy định được đề xuất quy định việc ghi nhãn và quảng cáo thực phẩm đóng gói sẵn dưới sự kiểm soát của Bộ Y tế, theo Đạo luật Thực phẩm, mỹ phẩm và thuốc khử trùng năm 1972 (Đạo luật 54 năm 1972). |
| 7 | G/SPS/N/USA/3378 | ATTP, BVTV | Hoa Kỳ | 19/4/2023 | Dung sai thuốc trừ sâu deltamethrin; Quy tắc cuối. | Quy định này thiết lập mức cho phép đối với dư lượng deltamethrin trong hoặc trên các mặt hàng nông nghiệp thô, rau, cây họ đậu, đậu, đậu, vỏ khô, trừ đậu tương, phân nhóm 6-22E và rau, đậu, đậu, đậu, vỏ khô, phân nhóm 6-22F |
| 8 | G/SPS/N/USA/3377 | ATTP, BVTV | Hoa Kỳ | 19/4/2023 | Dung sai thuốc trừ sâu ethalfluralin; Quy tắc cuối. | Quy định này thiết lập mức cho phép đối với dư lượng ethalfluralin trong hoặc trên nhiều loại cây trồng: cây gai dầu, hạt ở mức 0,05 ppm; hành tây, củ, phân nhóm 3-07A ở mức 0,01 ppm; Cây cỏ ngọt, lá khô ở mức 0,05 ppm, lá tươi ở mức 0,05 ppm; Rau, đậu, đậu, vỏ khô, trừ đậu tương, phân nhóm 6-22E ở mức 0,05 ppm; Rau, đậu, đậu, hạt đậu, đã bóc vỏ khô, phân nhóm 6-22f ở mức 0,05 ppm; và rau, củ và sâu bọ, phân nhóm 1c ở mức 0,01 ppm. ngoài ra, các dung sai sau được loại bỏ nếu không cần thiết: đậu, khô, hạt ở mức 0,05 ppm; hạt đậu, khô, hạt ở mức 0,05 ppm; và khoai tây ở mức 0,01 ppm.  Cuối cùng, EPA sẽ loại bỏ mức cho phép đối với khoai tây ở mức 0,05 ppm, vì mức cho phép đó đã hết hạn vào ngày 28 tháng 1 năm 2021. |
| 9 | G/SPS/N/RUS/263 | ATTP, TY | Liên bang Nga | 18/4/2023 | Dự thảo Quyết định của Ủy ban Kinh tế Á-Âu về việc sửa đổi quy định các yêu cầu chung về thú y (vệ sinh và thú y) đối với hàng hóa chịu sự kiểm soát thú y (giám sát) và dự thảo quyết định của Ủy ban Kinh tế Á-Âu về việc sửa đổi các hình thức giấy chứng nhận thú y thông thường để nhập khẩu vào lãnh thổ hải quan của liên minh kinh tế Á-Âu đối với hàng hóa được kiểm soát từ các nước thứ ba | Dự thảo cập nhật các yêu cầu thú y của Liên minh Kinh tế Á-Âu liên quan đến xét nghiệm bệnh brucella trên phôi bò, điều kiện xuất khẩu ngựa sau các sự kiện thể thao, cũng như các chỉ tiêu an toàn đối với thức ăn có nguồn gốc thực vật. |
| 10 | G/SPS/N/NZL/721 | BVTV | Niu Di-lân | 18/4/2023 | Tiêu chuẩn sức khỏe nhập khẩu sửa đổi đối với hạt giống để gieo trồng | Bộ các ngành công nghiệp cơ bản đề xuất loại bỏ chỉ số sinh học như một công cụ chẩn đoán khỏi tất cả các tiêu chuẩn sức khỏe nhập khẩu mầm cây trồng.  Chỉ số sinh học sẽ là:  a. Loại bỏ dưới dạng xét nghiệm miễn phí đối với ELISA hoặc PCR đối với 78 loài gây hại (trong đó các tiêu chuẩn hiện hành yêu cầu thực hiện lập chỉ mục sinh học bằng xét nghiệm ELISA hoặc PCR),  b. Được thay thế bằng xét nghiệm chỉ sử dụng ELISA hoặc PCR đối với 44 loài gây hại (trong đó các tiêu chuẩn hiện hành yêu cầu chỉ số sinh học là phương pháp xét nghiệm duy nhất),  c. Bị loại bỏ xét nghiệm với bệnh Fragaria không rõ nguyên nhân (và thay vào đó, dịch hại này sẽ được quản lý bằng cách kiểm tra cây trồng để tìm các triệu chứng).  Bộ các ngành công nghiệp cơ bản cũng sẽ loại bỏ tất cả các hướng dẫn và các phần về yêu cầu lập chỉ số sinh học khỏi các tiêu chuẩn sức khỏe nhập khẩu mầm cây trồng.  Đối với Fragaria, Olea, Prunus, Rubus, Solanum tuberosum và Vitis để trồng, chúng tôi đang loại bỏ 25 loài gây hại khỏi tiêu chuẩn sức khỏe nhập khẩu mầm cây. Chúng tôi không còn coi các loài gây hại này là rủi ro an toàn sinh học trên con đường này và không còn yêu cầu thực vật phải được kiểm tra các loài gây hại này. |
| 11 | G/SPS/N/NZL/720 | BVTV | Niu Di-lân | 18/4/2023 | Tiêu chuẩn sức khỏe nhập khẩu sửa đổi đối với chi cây mận mơ để trồng. | Bộ các ngành công nghiệp cơ bản đề xuất loại bỏ chỉ số sinh học như một công cụ chẩn đoán khỏi tất cả các tiêu chuẩn sức khỏe nhập khẩu mầm cây trồng.  Chỉ số sinh học sẽ là:  a. Loại bỏ dưới dạng xét nghiệm miễn phí đối với ELISA hoặc PCR đối với 78 loài gây hại (trong đó các tiêu chuẩn hiện hành yêu cầu thực hiện lập chỉ mục sinh học bằng xét nghiệm ELISA hoặc PCR),  b. Được thay thế bằng xét nghiệm chỉ sử dụng ELISA hoặc PCR đối với 44 loài gây hại (trong đó các tiêu chuẩn hiện hành yêu cầu chỉ số sinh học là phương pháp xét nghiệm duy nhất),  c. Bị loại bỏ xét nghiệm với bệnh Fragaria không rõ nguyên nhân (và thay vào đó, dịch hại này sẽ được quản lý bằng cách kiểm tra cây trồng để tìm các triệu chứng).  Bộ các ngành công nghiệp cơ bản cũng sẽ loại bỏ tất cả các hướng dẫn và các phần về yêu cầu lập chỉ số sinh học khỏi các tiêu chuẩn sức khỏe nhập khẩu mầm cây trồng.  Đối với Fragaria, Olea, Prunus, Rubus, Solanum tuberosum và Vitis để trồng, đang loại bỏ 25 loài gây hại khỏi tiêu chuẩn sức khỏe nhập khẩu mầm cây. Chúng tôi không còn coi các loài gây hại này là rủi ro an toàn sinh học bằng cách này và không còn yêu cầu thực vật phải được kiểm tra các loài gây hại này. |
| 12 | G/SPS/N/NZL/719 | BVTV | Niu Di-lân | 18/4/2023 | Tiêu chuẩn sức khỏe nhập khẩu sửa đổi để nhập khẩu hàng giống | Bộ các ngành công nghiệp cơ bản đề xuất loại bỏ chỉ số sinh học như một công cụ chẩn đoán khỏi tất cả các tiêu chuẩn sức khỏe nhập khẩu mầm cây trồng.  Chỉ số sinh học sẽ là:  a. Loại bỏ dưới dạng xét nghiệm miễn phí đối với ELISA hoặc PCR đối với 78 loài gây hại (trong đó các tiêu chuẩn hiện hành yêu cầu thực hiện lập chỉ mục sinh học bằng xét nghiệm ELISA hoặc PCR),  b. Được thay thế bằng xét nghiệm chỉ sử dụng ELISA hoặc PCR đối với 44 loài gây hại (trong đó các tiêu chuẩn hiện hành yêu cầu chỉ số sinh học là phương pháp xét nghiệm duy nhất),  c. Bị loại bỏ để thử nghiệm một bệnh Fragaria không rõ nguyên nhân (và thay vào đó, dịch hại này sẽ được quản lý bằng cách kiểm tra cây trồng để tìm các triệu chứng).  Bộ Công nghiệp Cơ bản cũng sẽ loại bỏ tất cả các hướng dẫn và các phần về yêu cầu lập chỉ số sinh học khỏi các tiêu chuẩn sức khỏe nhập khẩu mầm cây trồng.  Đối với các loại cây Fragaria, Olea, Prunus, Rubus, Solanum tuberosum và Vitis để trồng, chúng tôi đang loại bỏ 25 loài gây hại khỏi tiêu chuẩn sức khỏe nhập khẩu mầm cây của chúng tôi. Chúng tôi không còn coi các loài gây hại này là rủi ro an toàn sinh học bằng cách này và chúng tôi sẽ không còn yêu cầu thực vật phải được kiểm tra các loài gây hại này. |
| 13 | G/SPS/N/NZL/718 | BVTV | Niu Di-lân | 18/4/2023 | Tiêu chuẩn sức khỏe nhập khẩu sửa đổi đối với cây có múi để trồng | Bộ các ngành công nghiệp cơ bản đề xuất loại bỏ chỉ số sinh học như một công cụ chẩn đoán khỏi tất cả các tiêu chuẩn sức khỏe nhập khẩu mầm cây trồng.  Chỉ số sinh học sẽ là:  a. Loại bỏ dưới dạng xét nghiệm miễn phí đối với ELISA hoặc PCR đối với 78 loài gây hại (trong đó các tiêu chuẩn hiện hành yêu cầu thực hiện lập chỉ mục sinh học bằng xét nghiệm ELISA hoặc PCR),  b. Được thay thế bằng xét nghiệm chỉ sử dụng ELISA hoặc PCR đối với 44 loài gây hại (trong đó các tiêu chuẩn hiện hành yêu cầu chỉ số sinh học là phương pháp xét nghiệm duy nhất),  c. Bị loại bỏ xét nghiệm với bệnh Fragaria không rõ nguyên nhân (và thay vào đó, dịch hại này sẽ được quản lý bằng cách kiểm tra cây trồng để tìm các triệu chứng).  Bộ các ngành công nghiệp cơ bản cũng sẽ loại bỏ tất cả các hướng dẫn và các phần về yêu cầu lập chỉ số sinh học khỏi các tiêu chuẩn sức khỏe nhập khẩu mầm cây trồng.  Đối với Fragaria, Olea, Prunus, Rubus, Solanum tuberosum và Vitis để trồng, đang loại bỏ 25 loài gây hại khỏi tiêu chuẩn sức khỏe nhập khẩu mầm cây. Chúng tôi không còn coi các loài gây hại này là rủi ro an toàn sinh học bằng cách này và chúng tôi sẽ không còn yêu cầu thực vật phải được kiểm tra các loài gây hại này. |
| 14 | G/SPS/N/NZL/716 | ATTP, BVTV, TY | Niu Di-lân | 18/4/2023 | Đề xuất Sửa đổi (Mức dư lượng tối đa đối với các hợp chất nông nghiệp) | Tài liệu này bao gồm các chi tiết kỹ thuật về các đề xuất sửa đổi được ban hành theo Đạo luật Thực phẩm 2014 liệt kê các mức dư lượng tối đa (mức dư lượng tồn dư) đối với các hợp chất nông nghiệp ở Niu Di-lân.  Bộ các ngành công nghiệp cơ bản đề xuất những nội dung sửa đổi đối với Thông báo như sau:  a. Các mục mức dư lượng tồn dư mới cho các hợp chất và hàng hóa sau:  − Flumetsulam: 0,01(\*) mg/kg trong hạt ngũ cốc, 0,1 mg/kg trong trứng, 0,01 mg/kg trong thịt động vật có vú, 0,1 mg/kg trong nội tạng động vật có vú, 0,01 mg/kg trong sữa, 0,1 mg/kg trong gia cầm thịt và 0,1 mg/kg trong nội tạng gia cầm.  − Thiencarbazone-methyl: 0,01 mg/kg đối với thịt, mỡ động vật có vú, nội tạng động vật có vú và sữa.  b. Việc sửa đổi các mục mức dư lượng tồn dư hiện có cho các hợp chất và hàng hóa sau:  − Foramsulfuron: 0,01 mg/kg trong thịt động vật có vú, mỡ động vật có vú, nội tạng động vật có vú và sữa, đồng thời xóa mức dư lượng tồn dư đối với ngô.  − Mefentrifluconazole: 0,07 mg/kg đối với nho và 0,15 mg/kg đối với quả bưởi.  − Spinetoram: 0,01(\*) mg/kg đối với ngô, 0,02 mg/kg trong sữa, 0,15 mg/kg trong chất béo sữa, 0,01(\*) mg/kg trong thịt, nội tạng và trứng gia cầm, và 0,01(\*) mg /kg ngô ngọt; sửa đổi mô tả chất béo của động vật có vú để loại trừ chất béo sữa và tăng mức dư lượng tồn dư lên 0,5 mg/kg; và để kết hợp mức dư lượng tồn dư của thận và gan của động vật có vú thành một mức dư lượng tồn dư nội tạng của động vật có vú duy nhất là 0,03 mg/kg. − Tetraniliprole: 0,3 mg/kg đối với quả hạch.  (\*) chỉ ra rằng mức dư lượng tối đa đã được đặt ở hoặc gần giới hạn định lượng phân tích.  c. Bổ sung bốn mục mới trong Bảng 3 đối với thuốc thú y không áp dụng mức dư lượng tối đa:  − Dầu hồi, tinh dầu bạc hà và tinh dầu xá xị, khi được sử dụng làm thuốc bôi ngoài da cho ngựa.  − Luteinising hormone (LH), khi được sử dụng để quản lý sinh sản ở động vật nhai lại. |
| 15 | G/SPS/N/KOR/778 | ATTP | Hàn Quốc | 18/4/2023 | Đề xuất sửa đổi “Tiêu chuẩn và quy cách đối với thực phẩm chức năng tốt cho sức khỏe”. | Các sửa đổi được đề xuất:  1. Xóa phương pháp sản xuất protein  2. Sửa đổi tên khoa học dịch chiết *Phellinus linteus* (*Phillinus linteus → Sanghuangporus sanghuang*)  3. Bổ sung phương pháp kiểm nghiệm chất chiết xuất từ quả cọ lùn (Saw palmetto) |
| 16 | G/SPS/N/EU/631 | CLCB, TY | Liên minh châu Âu | 18/4/2023 | Dự thảo sửa đổi và điều chỉnh Quy định được ủy quyền (EU) 2022/2292 liên quan đến các yêu cầu gia nhập Liên minh đối với mật ong, thịt, các sản phẩm tinh chế cao, viên nang gelatine và các sản phẩm thủy sản | Quy định Ủy quyền số (EU) 2022/2292 đặt ra các điều kiện nhập khẩu đối với động làm thực phẩm và một số loại thực phẩm khác. Dự thảo quy định việc liệt kê các cơ sở tham gia xuất khẩu các sản phẩm từ ong và mật ong vào EU là bắt buộc, tùy thuộc vào giai đoạn chuyển tiếp. Một số sửa đổi khác được thực hiện tạo thuận lợi cho thương mại đối với sản phẩm có nguồn gốc từ động vật. |
| 17 | G/SPS/N/CHL/751 | TY | Chi Lê | 18/4/2023 | Các yêu cầu về sức khỏe đối với việc nhập khẩu các sản phẩm thịt đóng hộp công nghiệp và các dẫn xuất của chúng vào Chi Lê và bãi bỏ nghị quyết miễn trừ đã nêu | Dự thảo tiêu chuẩn thiết lập các yêu cầu sức khỏe đối với việc nhập khẩu các sản phẩm động vật đóng hộp và các dẫn xuất của chúng vào Chi Lê, mà không ảnh hưởng đến việc tuân thủ các yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền khác:  1. Theo mục đích của nghị quyết này, "sản phẩm đóng hộp" được hiểu là bất kỳ sản phẩm động vật nào dùng làm thức ăn cho người đã qua chế biến công nghiệp, đảm bảo vô trùng thương mại và được đựng trong bao bì được gắn kín.  2. Các sản phẩm đóng hộp phải đến từ các cơ sở được cơ quan y tế có thẩm quyền của nước xuất xứ ủy quyền và phải có giấy chứng nhận sức khỏe chính thức do cơ quan đó cấp chứng nhận việc tuân thủ các yêu cầu về sức khỏe và chỉ rõ quốc gia, cơ sở chế biến, nhận dạng sản phẩm, số lượng, ngày sản xuất, người nhận hàng và số kiện.  3. Sản phẩm đóng hộp phải có nhãn phù hợp để xác định sản phẩm, số lượng hoặc khối lượng tịnh, nước xuất xứ và cơ sở chế biến.  4. Các sản phẩm này phải được vận chuyển từ cơ sở chế biến đến điểm đến ở Chi Lê trong các phương tiện hoặc khoang đảm bảo duy trì các điều kiện vệ sinh và sức khỏe.  5. Khi đến Chi Lê, các sản phẩm đóng hộp có thể phải chịu sự kiểm soát và kiểm tra do SAG yêu cầu, khi được chứng minh, và chi phí sẽ do người dùng chi trả.  6. Văn bản được thông báo bãi bỏ Nghị quyết miễn trừ số 395 năm 1993, trong đó thiết lập các yêu cầu về sức khỏe đối với việc nhập khẩu các sản phẩm thịt hộp và các dẫn xuất của chúng vào Chi Lê. |
| 18 | G/SPS/N/MAR/94 | TY | Ma-rốc | 14/4/2023 | Dự luật số 61-22 sửa đổi bổ sung luật số 1-75-292 ngày 19 tháng 9 năm 1977 ban hành các biện pháp bảo đảm vật nuôi chống bệnh truyền nhiễm | Việc bảo vệ sức khỏe của vật nuôi của Ma-rốc chống lại các bệnh truyền nhiễm ở động vật chủ yếu dựa vào các biện pháp y tế do Văn phòng An toàn Thực phẩm Quốc gia (ONSSA) đưa ra để theo dõi và chống lại các bệnh này. Ngoài ra, có tính đến sự đa dạng của các tác nhân gây bệnh và sự thay đổi về tác động của chúng đối với sức khỏe động vật, một danh sách các bệnh truyền nhiễm bắt buộc đã được thiết lập nhằm tiêu chuẩn hóa các biện pháp giám sát và kiểm soát được áp dụng. Danh sách này được cố định bởi luật số 1-75-292 của 5 chaoual 1397 (ngày 19 tháng 9 năm 1977) ban hành các biện pháp bảo đảm vật nuôi chống lại các bệnh truyền nhiễm đã được bổ sung và sửa đổi. |
| 19 | G/SPS/N/EU/630 | CN, TY | Liên minh châu Âu | 14/4/2023 | Dự thảo về attapulgite như một chất phụ gia thức ăn chăn nuôi trong phạm vi của Quy định (EC) số 1831/2003 của Nghị viện và Hội đồng châu Âu | Dự thảo luật liên quan đến việc xác định tình trạng pháp lý của chất attapulgite như một chất phụ gia thức ăn chăn nuôi trong phạm vi luật pháp của EU về chất phụ gia thức ăn chăn nuôi, Quy định (EC) số 1831/2003. Biện pháp này nhằm mục đích mang lại sự chắc chắn và nhất quán về mặt pháp lý liên quan đến các điều kiện đưa ra thị trường và sử dụng attapulgite theo luật hiện hành.  Đề xuất này cung cấp một giai đoạn chuyển tiếp trong bảy năm để cho phép khai thác thích ứng với trạng thái mới của attapulgite như một chất phụ gia thức ăn chăn nuôi. |
| 20 | G/SPS/N/CHN/1278 | BVTV | Trung Quốc | 14/4/2023 | Trung Quốc cập nhật mẫu giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật và giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật tái xuất | Trung Quốc cập nhật mẫu giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật và giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật tái xuất, mẫu giấy mới này sẽ được sử dụng từ ngày 01 tháng 6 năm 2023  Trong giai đoạn chuyển tiếp (trước ngày 31 tháng 12 năm 2023), cả giấy chứng nhận mới và giấy chứng nhận hiện tại đều có thể được sử dụng. |
| 21 | G/SPS/N/BRA/2148 | BVTV | Bra-xin | 14/4/2023 | Yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với việc nhập khẩu hạt giống (Loại 4) của Lisianto (*Eustoma* spp.) từ bất kỳ nguồn gốc nào: Tham vấn công khai. | Đệ trình tham vấn cộng đồng, trong thời hạn 60 ngày, dự thảo yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với việc nhập khẩu hạt giống (Loại 4) của Lisianto (*Eustoma* spp.) từ bất kỳ nguồn gốc nào. |
| 22 | G/SPS/N/BRA/2147 | TY, CLCB | Bra-xin | 14/4/2023 | RIG.CT.AA.PF.FI.AH.FEB.23, Các yêu cầu vệ sinh động vật của Bra-xin đối với việc nhập khẩu tôm và tôm đồng không còn khả năng sống có nguồn gốc từ đánh bắt khai thác hoặc nuôi trồng thủy sản | Nội dung của thông báo là để đảm bảo các yêu cầu vệ sinh thú y đối với việc nhập khẩu các loài giáp xác không có khả năng sống có nguồn gốc từ đánh bắt khai thác hoặc nuôi trồng thủy sản (RIG.CT.AA.PF.FI.AH.SET.20) và các yêu cầu vệ sinh đối với việc nhập khẩu cá có nguồn gốc từ đánh bắt khai thác mục đich dùng cho con người (RIG.PJ.DP.EX.AH.OCT.21) sẽ được chấp nhận trong 60 ngày kể từ ngày công bố với WTO, ngày cấp giấy chứng nhận của nước xuất khẩu. Sau ngày này, chúng sẽ bị xóa khỏi bảng yêu cầu nhập khẩu đối với Sản phẩm có nguồn gốc từ động vật trên https://lookerstudio.google.com/reporting/a8ee0d15-873e-4a12-ace4-bb820dd6453b/page/9pyoC. |
| 23 | G/SPS/N/BRA/2146 | TY, CLCB | Bra-xin | 14/4/2023 | RIG.PJ.DP.EX.AH.FEV.23, Yêu cầu vệ sinh đối với việc nhập khẩu cá và các sản phẩm dẫn xuất (trừ tôm, tôm đồng, nhuyễn thể hai mảnh vỏ và động vật sống) có nguồn gốc từ đánh bắt khai thác và dành cho con người | Nội dung của thông báo là để đảm bảo các yêu cầu vệ sinh thú y đối với việc nhập khẩu các loài giáp xác không có khả năng sống có nguồn gốc từ đánh bắt khai thác thác hoặc nuôi trồng thủy sản (RIG.CT.AA.PF.FI.AH.SET.20) và các yêu cầu vệ sinh đối với việc nhập khẩu cá có nguồn gốc từ đánh bắt khai thác (trừ động vật giáp xác, nhuyễn thể hai mảnh vỏ và động vật sống) mục dích dành cho con người (RIG.PJ.DP.EX.AH.OCT.21) sẽ được chấp nhận trong 60 ngày kể từ ngày công bố với WTO, ngày cấp giấy chứng nhận của nước xuất khẩu. Sau ngày này, chúng sẽ bị xóa khỏi Bảng yêu cầu nhập khẩu đối với Sản phẩm có nguồn gốc từ động vật trên https://lookerstudio.google.com/reporting/a8ee0d15-873e-4a12-ace4-bb820dd6453b/page/9pyoC. |
| 24 | G/SPS/N/NZL/715 | BVTV | Niu Di-lân | 13/4/2023 | Dự thảo Tiêu chuẩn sức khỏe nhập khẩu: Đất, đá, cát, đất sét và nước | Bộ các ngành công nghiệp cơ bản của Niu Di-lân đề xuất thu hồi và thay thế tiêu chuẩn sức khỏe nhập khẩu: Đất, đá, sỏi, cát, đất sét và nước. Những thay đổi bao gồm:  1. Cấu trúc lại của tiêu chuẩn để cải thiện khả năng đọc;  2. Tùy chọn mới để xử lý ngoài khơi với tài liệu phù hợp;  3. Lựa chọn cách xử lý mới;  4. Loại bỏ các giới hạn về trọng lượng và thể tích đối với đất và nước;  5. Cho phép hướng đến một cơ sở chuyển tiếp mà không cần giấy phép;  6. Phân chia hàng hóa theo loại để nhắm mục tiêu xử lý tốt hơn đối với các rủi ro;  7. Cho phép hàng hóa từ vùng đặc quyền kinh tế của Niu Di-lân được coi là hàng nội địa với các chứng từ phù hợp;  8. Một danh mục mới cho các mẫu chính. |
| 25 | G/SPS/N/JPN/1196 | ATTP, TY | Nhật Bản | 13/4/2023 | Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật Vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp) | Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa (mức dư lượng tồn dư) đối với nông dược sau:  Thuốc thú y/Phụ gia thức ăn chăn nuôi: Amprolium. |
| 26 | G/SPS/N/JPN/1195 | ATTP, TY, CLCB | Nhật Bản | 13/4/2023 | Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật Vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp) | Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa (mức dư lượng tồn dư) đối với nông dược sau:  Thuốc thú y: Dicloxacillin. |
| 27 | G/SPS/N/JPN/1194 | ATTP, TY | Nhật Bản | 13/4/2023 | Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật Vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp) | Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa (mức dư lượng tồn dư) đối với nông dược sau:  Thuốc thú y: Cefuroxime. |
| 28 | G/SPS/N/JPN/1193 | ATTP, BVTV, TY, CLCB | Nhật Bản | 13/4/2023 | Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật Vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp) | Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa (mức dư lượng tồn dư) đối với nông dược sau:  Thuốc thú y: Simeconazole. |
| 29 | G/SPS/N/JPN/1192 | ATTP, BVTV, TY, CLCB | Nhật Bản | 13/4/2023 | Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật Vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp) | Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa (mức dư lượng tồn dư) đối với nông dược sau:  Thuốc thú y: Metaldehyde. |
| 30 | G/SPS/N/JPN/1191 | ATTP, BVTV, TY, CLCB | Nhật Bản | 13/4/2023 | Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật Vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp) | Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa (mức dư lượng tồn dư) đối với nông dược sau:  Thuốc thú y: Mefentrifluconazole. |
| 31 | G/SPS/N/JPN/1190 | ATTP, BVTV, TY | Nhật Bản | 13/4/2023 | Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật Vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp) | Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa (mức dư lượng tồn dư) đối với nông dược sau:  Thuốc thú y: Flupyradifurone. |
| 32 | G/SPS/N/JPN/1189 | ATTP, BVTV, TY | Nhật Bản | 13/4/2023 | Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật Vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp) | Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa (mức dư lượng tồn dư) đối với nông dược sau:  Thuốc thú y: Flumioxazin. |
| 33 | G/SPS/N/JPN/1188 | ATTP, BVTV, TY | Nhật Bản | 13/4/2023 | Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật Vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp) | Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa (mức dư lượng tồn dư) đối với nông dược sau:  Thuốc thú y: Amisulbrom. |
| 34 | G/SPS/N/JPN/1187 | ATTP, BVTV, TY | Nhật Bản | 13/4/2023 | Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật Vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp) | Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa (mức dư lượng tồn dư) đối với nông dược sau:  Thuốc thú y: Ametoctradin. |
| 35 | G/SPS/N/JPN/1186 | CT | Nhật Bản | 13/4/2023 | Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật Vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp) | Nhật Bản sẽ sửa đổi các thông số kỹ thuật thành phần đối với nước khoáng. |
| 36 | G/SPS/N/JPN/1099 /Rev.1 | ATTP, BVTV, TY | Nhật Bản | 13/4/2023 | Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật Vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp) | Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa (mức dư lượng tồn dư) đối với nông dược sau:  Thuốc trừ sâu: Glufosinate.  Nhật Bản đã nhận được một số ý kiến về thông báo G/SPS/N/JPN/1099 được ban hành vào ngày 7 tháng 9 năm 2022. Ngoài ra, đã có một áp dụng mới cho một số mặt hàng. MHLW đã quyết định sửa đổi dự thảo giới hạn dư lượng tối đa (mức dư lượng tồn dư) cho glufosinate dựa trên dữ liệu được cung cấp và áp dụng mới. |
| 37 | G/SPS/N/GBR/31 | ATTP, TY | Vương quốc Anh | 13/4/2023 | Mức giới hạn dư lượng tối đa mới hoặc tăng thêm đối với triclopyr, sửa đổi theo luật của GB đối với mức dư lượng tối đa cho phép. | Triclopyr là một hoạt chất đã được phê duyệt ở Vương quốc Anh. Ngành hoạt động vì sức khỏe và sự an toàn của người lao động đã nhận được đơn yêu cầu đặt mức dư lượng tồn dư mới cho các sản phẩm khác nhau có nguồn gốc từ động vật.  Mức dư lượng phát sinh trong thức ăn chăn nuôi từ dẫn đến dư lượng trong các sản phẩm có nguồn gốc động vật làm tăng mức độ phơi nhiễm của người tiêu dùng dưới các giá trị tham chiếu độc tính.  Báo cáo đánh giá/ý kiến hợp lý hỗ trợ các mức dư lượng tồn dư mới và nâng cao hiện có tại liên kết sau:  [The evaluation of new MRLs for triclopyr in various products of animal origin (hse.gov.uk)](https://www.hse.gov.uk/pesticides/mrls/new-mrls/mrln-aajh-0443.pdf) |
| 38 | G/SPS/N/USA/3368 /Add.1 | ATTP | Hoa Kỳ | 11/4/2023 | Đơn kiến nghị phụ gia màu từ trung tâm khoa học vì lợi ích công cộng,v.v…; Yêu cầu thu hồi Danh sách phụ gia màu sử dụng thuốc nhuộm màu đỏ số 3 (FD&C Red No.3) trong thực phẩm và thuốc uống; Gia hạn thời gian góp ý | Cơ quan Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm (FDA) của Hoa Kỳ gia hạn thời gian góp đối với đơn kiến nghị phụ gia màu mà FDA đã công bố vào sổ đăng ký Liên bang ngày 17 tháng 2 năm 2023.  Trong thông báo, FDA đã yêu cầu góp ý về đơn kiến nghị phụ gia màu do Trung tâm khoa học vì lợi ích công cộng, v.v… đệ trình, đề xuất rằng FDA bãi bỏ các quy định về phụ gia màu cung cấp cho việc sử dụng FD&C Red No. 3 trong thực phẩm (bao gồm cả thực phẩm bổ sung) và trong các loại thuốc uống. Hoa Kỳ cho phép những người quan tâm có thêm thời gian để gửi kiến nghị qua:  <https://www.govinfo.gov/content/pkg/FR-2023-03-30/pdf/2023-06579.pdf>  <https://members.wto.org/crnattachments/2023/SPS/USA/23_8838_00_e.pdf>  Phụ lục này liên quan đến: Sửa đổi ngày cuối cùng cho ý kiến |
| 39 | G/SPS/N/SGP/83 | TY | Singapore | 11/4/2023 | Điều kiện thú y đối với việc nhập khẩu chó/mèo cho các quốc gia/khu vực thuộc danh mục I; Điều kiện thú y đối với việc nhập khẩu chó/mèo cho các quốc gia/khu vực thuộc danh mục II; Điều kiện thú y đối với việc nhập khẩu chó/mèo cho các quốc gia/khu vực thuộc danh mục III; Điều kiện thú y để nhập khẩu chó hỗ trợ cho các quốc gia/khu vực theo danh mục I đến III | Các điều kiện thú y đối với việc nhập khẩu chó/mèo của các quốc gia/khu vực đã được xem xét để:  • Tuân theo Bộ luật Sức khỏe động vật trên cạn của WOAH (TAHC) chương 8.14: Nhiễm vi-rút bệnh dại;  • Phân loại lại các quốc gia trong danh mục A/B/C/D hiện tại sang danh mục I/II/III dựa trên đánh giá về nguy cơ bệnh dại của quốc gia;  • Cập nhật các yêu cầu về kiểm dịch nhập khẩu và sau khi hàng đến đối với các quốc gia thuộc danh mục II (danh mục B và C hiện tại);  • Bao gồm một định nghĩa mới về hàng nhập khẩu "thương mại" và thực hiện kiểm dịch mười ngày sau khi đến đối với hàng nhập khẩu thương mại từ các quốc gia thuộc danh mục II;  • Sửa đổi thời gian chờ đợi từ ngày tiêm vắc xin dại đến ngày nhập khẩu đối với hàng nhập khẩu bảng II và III;  • Sửa đổi thời gian chờ đợi từ ngày tiêm phòng bệnh dại đến ngày xét nghiệm huyết thanh bệnh dại.  Bản tóm tắt các sửa đổi có trong phụ lục (xem mục 9). |
| 40 | G/SPS/N/KOR/777 | ATTP, BVTV, TY, CLCB, CT | Hàn Quốc | 11/4/2023 | Đề xuất sửa đổi “Luật đặc biệt về kiểm soát an toàn thực phẩm nhập khẩu". | Bảng 10 đính kèm (Tiêu chí phân loại thực phẩm nhập khẩu, v.v.) của Quy tắc thực thi Đạo luật đặc biệt sẽ được sửa đổi để loại bỏ “tên sản phẩm” khỏi đoạn 4 (sản phẩm cùng loại của một công ty). Hiện tại, khi một số sản phẩm tương tự của cùng một công ty bị phát hiện là không tuân thủ dựa trên kết quả kiểm tra trong phòng thí nghiệm, việc nhập khẩu các sản phẩm đó sắp tới sẽ bị từ chối tại biên giới. Tuy nhiên, sửa đổi này, các sản phẩm thực phẩm chế biến hoặc sản phẩm gia súc chế biến giống nhau từ cùng một công ty được sản xuất vào cùng ngày cũng phải có cùng tên sản phẩm với những sản phẩm không tuân thủ đó để chúng được xác định là không tuân thủ. |
| 41 | G/SPS/N/GBR/30 | BVTV, TY | Vương quốc Anh | 11/4/2023 | Biên giới Vương quốc Anh: Mục tiêu mô hình hoạt động | Sau khi rời khỏi Liên minh châu Âu, Vương quốc Anh đang trong quá trình cập nhật và hợp lý hóa các biện pháp và cơ chế kiểm soát biên giới. Cơ chế Thương mại một cửa mới của Vương quốc Anh và giảm thủ tục pháp lý đối với nhập khẩu, mô hình hoạt động mục tiêu biên giới được đề xuất sẽ áp dụng các biện pháp kiểm soát vệ sinh và kiểm dịch thực vật mới và hiện đại tại biên giới của Vương quốc Anh. Các biện pháp sẽ được áp dụng đối với những khu vực trên lãnh thổ Vương quốc Anh mà không là các đối tượng tuân theo thỏa thuận đặc biệt. Đặc biệt đối với nhập khẩu động vật sống, sản phẩm mầm, sản phẩm động vật, thực vật và sản phẩm thực vật, cách tiếp cận theo mô hình mới sẽ có ba yếu tố chính sau:  • Cách tiếp cận toàn cầu mới dựa trên rủi ro: Động vật sống, sản phẩm mầm bệnh, sản phẩm có nguồn gốc động vật, phụ phẩm động vật, thực vật và sản phẩm thực vật sẽ được phân loại là rủi ro cao, trung bình hoặc thấp, với các biện pháp kiểm soát được cân nhắc phù hợp đối với rủi ro do cả hàng hóa và nước xuất xứ gây ra;  • Giấy chứng nhận sức khỏe được số hóa và đơn giản hóa: Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật sẽ được số hóa phù hợp với sự sẵn sàng của các đối tác thương mại của Vương quốc Anh và sẽ triển khai giấy chứng nhận sức khỏe xuất khẩu được số hóa và đơn giản hóa cho các sản phẩm động vật dẫn đến việc sử dụng dữ liệu tự động;  • Niềm tin sử dụng: Các kế hoạch thí điểm với ngành nơi các nhà nhập khẩu được ủy quyền thực vật, sản phẩm thực vật và một số sản phẩm động vật có thể đủ điều kiện để được kiểm soát hợp lý. Để đủ điều kiện, họ sẽ cần cung cấp các đảm bảo nâng cao và bằng chứng rằng họ đang đáp ứng các yêu cầu và tiêu chuẩn quy định.  Sự phát triển của cơ chế thương mại một cửa của Vương quốc Anh sẽ củng cố phương pháp kiểm soát mới này. Điều này sẽ cung cấp một cổng kỹ thuật số duy nhất cho cả nhà nhập khẩu và nhà xuất khẩu để cung cấp dữ liệu cần thiết để giao dịch và xin giấy phép cũng như ủy quyền cho các chương trình thương nhân đáng tin cậy. |
| 42 | G/SPS/N/CAN/1497 | ATTP | Canada | 11/4/2023 | Thông báo sửa đổi danh sách các loại enzyme thực phẩm được phép sử dụng để cho phép sử dụng *Beta-amylase* từ nấm linh chi AE-BAF trong các loại bánh làm từ gạo nếp | Tổng cục thực phẩm của Bộ Y tế Canada đã hoàn thành đánh giá an toàn trước khi đưa ra thị trường đối phụ gia thực phẩm, hồ sơ xin phép sử dụng Beta-amylase (β-amylase) từ *Bacillus flexus* AE-BAF trong bánh mochi và bánh dango, là những loại bánh gạo nếp. Mức sử dụng tối đa được yêu cầu đối với enzyme thực phẩm này là Thực hành sản xuất tốt.  Kết quả đánh giá trước khi đưa ra thị trường chứng minh sự an toàn của β-amylase từ *B. flexus* AE-BAF đối với mục đích sử dụng được yêu cầu. Do đó, Bộ Y tế Canada đã cho phép sử dụng β-amylase từ nguồn này như được mô tả trong tài liệu thông tin bằng cách sửa đổi Danh sách các Enzyme thực phẩm được phép, có hiệu lực từ ngày 28 tháng 3 năm 2023.  Mục đích của tài liệu thông tin là thông báo công khai quyết định của Bộ về vấn đề này và cung cấp thông tin liên hệ phù hợp cho những người muốn gửi yêu cầu hoặc thông tin khoa học mới liên quan đến sự an toàn của phụ gia thực phẩm này |
| 43 | G/SPS/N/ARM/47 | ATTP, TY | Armenia | 11/4/2023 | Dự thảo của Hội đồng Ủy ban Kinh tế Á-Âu về quy tắc điều chỉnh lưu thông các sản phẩm khử trùng, diệt côn trùng và thuốc diệt muỗi dùng trong thú y trong lãnh thổ hải quan của Liên minh Kinh tế Á-Âu | Dự thảo quy định Quy tắc điều chỉnh việc lưu hành các sản phẩm khử trùng, diệt côn trùng và diệt muỗi dùng trong thú y không tiếp xúc trực tiếp với động vật (được sử dụng trong ống nghiệm trong thú y) trong lãnh thổ hải quan của Liên minh Kinh tế Á-Âu |
| 44 | G/SPS/N/ARM/46 | CN, TY | Armenia | 11/4/2023 | Dự thảo của Hội đồng Ủy ban Kinh tế Á-Âu về việc sửa đổi các yêu cầu chung về thú y (vệ sinh và thú y) đối với hàng hóa chịu sự kiểm soát thú y (giám sát); và dự thảo quyết định của Hội đồng Ủy ban Kinh tế Á-Âu về sửa đổi các mẫu giấy chứng nhận thú y thông thường để nhập khẩu vào lãnh thổ hải quan của Liên minh Kinh tế Á-Âu đối với hàng hóa được kiểm soát từ các nước thứ ba | Dự thảo cập nhật các yêu cầu thú y của Liên minh Kinh tế Á-Âu liên quan đến xét nghiệm bệnh brucella trên phôi bò, điều kiện xuất khẩu ngựa sau các sự kiện thể thao, cũng như các chỉ tiêu an toàn đối với thức ăn có nguồn gốc thực vật |
| 45 | G/SPS/N/ARM/45 | ATTP, TY | Armenia | 11/4/2023 | Dự thảo của Hội đồng Ủy ban Kinh tế Á-Âu về việc sửa đổi Quyết định số 1 ngày 21 tháng 01 năm 2022. | Dự thảo quy định đảm bảo chuyển đổi theo từng giai đoạn sang việc thực hiện các yêu cầu ghi nhãn sản phẩm thuốc dùng cho người và sản phẩm thuốc thú y, được phê duyệt theo Quyết định số 76 của Hội đồng Ủy ban Kinh tế Á-Âu ngày 3 tháng 11 năm 2016, Quy tắc thực hành sản xuất tốt của Liên minh Kinh tế Á-Âu, được phê duyệt bởi Quyết định số 77 ngày 3 tháng 11 năm 2016 bằng cách thiết lập các giai đoạn chuyển tiếp cho các đối tượng lưu hành thuốc thú y |
| 46 | G/SPS/N/TPKM/612 | ATTP, BVTV, TY, CLCB, CT | Đài Loan | 06/4/2023 | Những loại thực phẩm, phụ gia thực phẩm, dụng cụ ăn uống, hộp đựng hoặc bao bì thực phẩm được phân loại theo 49 mã CCC cụ thể | Hàng hóa được phân loại theo 49 mã CCC cụ thể sẽ tuân theo "Quy định kiểm tra thực phẩm nhập khẩu và các sản phẩm liên quan" nếu chúng được sử dụng cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, dụng cụ ăn uống, hộp đựng hoặc bao bì thực phẩm. Các nhà nhập khẩu sẽ nộp đơn xin kiểm tra cho Cục Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm, Bộ Y tế và Phúc lợi Đài Loan, Trung Quốc |
| 47 | G/SPS/N/USA/3376 | ATTP, TY | Hoa Kỳ | 05/4/2023 | Dung sai thuốc trừ sâu trinexapac-ethyl. Quy tắc cuối cùng | Quy định này thiết lập các mức dung sai đối với dư lượng trinexapacethyl trong hoặc trên nhiều mặt hàng:   |  |  | | --- | --- | | Mặt hàng | Mức ppm | | Cỏ ba lá - thức ăn thô xanh cho nông sản thô | 8 | | Cỏ ba lá - cỏ khô | 15 | | Thịt và mỡ gia súc | 0,03 | | Phụ phẩm gia súc - thịt | 0,1 | | Trứng | 0,01 | | Thịt và mỡ dê | 0,03 | | Phụ phẩm thịt dê | 0,1 | | Phụ phẩm thịt lợn | 0,1 | | Sữa | 0,01 | | Thịt ngựa | 0,03 | | Thịt và mỡ gia cầm | 0,01 | | Phụ phẩm thịt gia cầm | 0,1 | | Thịt và mỡ cừu | 0,03 | | Phụ phẩm thịt cừu | 0,1 | |
| 48 | G/SPS/N/USA/3375 | ATTP, BVTV | Hoa Kỳ | 05/4/2023 | Dung sai thuốc trừ sâu fludioxonil. Quy tắc cuối cùng | Quy định này sửa đổi các dung sai hiện có đối với dư lượng fludioxonil trong hoặc trên xoài và đu đủ: lần lượt là 8 ppm và 5 ppm |
| 49 | G/SPS/N/USA/3374 | ATTP, BVTV | Hoa Kỳ | 03/4/2023 | Đơn kiện về dư lượng hóa chất thuốc trừ sâu trong hoặc trên các loại hàng hóa khác nhau. Thông báo nộp đơn kến nghị và yêu cầu góp ý | Tài liệu này thông báo về việc cơ quan đã nhận được một số hồ sơ ban đầu về kiến nghị thuốc trừ sâu yêu cầu thiết lập hoặc sửa đổi các quy định về dư lượng hóa chất thuốc trừ sâu trong hoặc trên các loại hàng hóa khác nhau, cụ thể trong đường link:  <https://www.govinfo.gov/content/pkg/FR-2023-03-24/html/2023-06112.htm> |
| 50 | G/SPS/N/ZAF/79 | BVTV | Nam Phi | 31/3/2023 | Thông báo Chính phủ R. 1013 ngày 26 tháng 5 năm 1989 (GG số 47725) | Những sửa đổi chính được đề xuất theo Thông báo của Chính phủ R. 1013 ngày 26 tháng 5 năm 1989 như sau:  1. Xóa bỏ loài, chi và họ của hàng hóa bị kiểm soát trong Bảng 1 của Thông báo Chính phủ R. 1013 ngày 26 tháng 5 năm 1989. Bất kỳ người nào nhập khẩu bất kỳ hàng hóa bị xóa kiểm soát nào vào Cộng hòa Nam Phi sẽ phải làm theo thẩm quyền của giấy phép nhập khẩu và phải tuân thủ các điều kiện nhập khẩu liên quan theo quy định.  Mẫu đơn xin nhập khẩu hàng hóa được kiểm soát đã xóa sẽ được hỏi hoặc yêu cầu từ: planthealthpermits@dalrrd.gov.za;  2. Thay thế hoặc sửa đổi Bảng 3 của Thông báo Chính phủ R. 1013: Các cảng nhập cảnh. Điều này quy định các cảng nhập cảnh được chỉ định bổ sung để nhập khẩu hàng hóa được kiểm soát theo điều khoản của R. 1013 |
| 51 | G/SPS/N/CHE/82 /Add.7 | BVTV | Thụy Sĩ | 30/3/2023 | Sửa đổi Phụ lục 1 của Pháp lệnh Kiểm dịch thực vật (OPPh) | Pháp lệnh về các sản phẩm kiểm dịch thực vật (RS 916.161, OPPh) đã được thông báo trong tài liệu G/SPS/N/CHE/82 ngày 19 tháng 12 năm 2019. OPPh thiết lập các điều kiện để đưa ra thị trường các sản phẩm kiểm dịch thực vật. Phụ lục 1 của OPPh, danh sách các hoạt chất có thể được sử dụng làm sản phẩm kiểm dịch thực vật ở Thụy Sĩ. Một chất mới được đưa vào Phụ lục này nếu, sau khi đơn đăng ký kèm theo yêu cầu đã được kiểm tra, nó đáp ứng các điều kiện được thiết lập trong Điều 5. Bản sửa đổi tiếp theo của OPPh bao gồm một chất an toàn (cyprosulfamide) và tám vi sinh vật lớn (Anagyrus vladimiri, anastatus bifasciatus, cephalonomia tarsalis, encarsia citrina, exochomus quadripustulatus, heterorhabditis downesi, pronematus ubiquitus, sphaerophoria rueppellii) vào Phụ lục 1. Một vi sinh vật (*Heterorhabditis* sp) bị xóa chính thức. Đối với một số hoạt chất (dầu parafin, đồng, dầu cá), những thay đổi chính thức (chẳng hạn như xóa các biến thể lỗi thời không còn tồn tại) được thực hiện. Đối với hoạt chất dầu cá, phân loại "chất có nguy cơ thấp" cũng được thêm vào. Những điều chỉnh chính thức này phù hợp với các quyết định và quy định của EU. Chi tiết được quy định tại văn bản dự thảo đính kèm. <https://members.wto.org/crnattachments/2023/SPS/CHE/23_8530_00_f.pdf>  Phụ lục này liên quan đến: Sửa đổi nội dung và/hoặc phạm vi của dự thảo quy định đã được thông báo trước đó |
| 52 | G/SPS/N/CAN/484 /Add.1 | CT | Canada | 30/3/2023 | Cập nhật "Chính sách về *Listeria monocytogenes* trong thực phẩm ăn liền" | Bộ Y tế Canada đã công bố "Chính sách về *Listeria monocytogenes* trong thực phẩm ăn liền" cập nhật, thay thế cho phiên bản ngày 1 tháng 4 năm 2011. Tài liệu này đưa ra chính sách của Bộ Y tế Canada liên quan đến việc áp dụng, triển khai và xác minh các biện pháp kiểm soát *Listeria monocytogenes* trong thực phẩm ăn liền được bán ở Canada. Nó nhằm hỗ trợ việc giải thích và áp dụng Đạo luật Thực phẩm và Dược phẩm (phần 4 và 7), trong bối cảnh bảo vệ người tiêu dùng lây bệnh bệnh listeriosis từ thực phẩm.  Chính sách cập nhật sẽ có hiệu lực vào ngày 1 tháng 10 năm 2023.  Phụ lục này liên quan đến: Hướng dẫn diễn giải được cập nhật |
| 53 | G/SPS/N/THA/634 | TY, CN | Thái Lan | 27/3/2023 | Thủ tục công nhận cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi xuất khẩu sang Vương quốc Thái Lan. | Quy trình quy định về việc phê duyệt các yêu cầu của cơ sở sản xuất đối với việc nhập khẩu thức ăn chăn nuôi đã được ban hành theo Đạo luật kiểm soát chất lượng thức ăn chăn nuôi B.E. 2558 (2015):  1. Kiểm tra thực tế cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi có nguồn gốc từ động vật tại nước xuất khẩu (Đánh giá cơ sở):  (A) Đối với một quốc gia chưa bao giờ xuất khẩu thức ăn chăn nuôi, bắt buộc phải kiểm tra và phê duyệt cơ sở sản xuất trước khi xuất khẩu;  (B) Đối với quốc gia trước đây đã xuất khẩu thức ăn chăn nuôi, bắt buộc phải kiểm tra và phê duyệt cơ sở sản xuất trước khi xuất khẩu.  2. Đánh giá hệ thống cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi có nguồn gốc từ động vật tại nước xuất khẩu.  Ngoài ra, các loại thức ăn chăn nuôi được quy định trong thông báo của Cục Phát triển Chăn nuôi theo Đạo luật Kiểm soát Chất lượng Thức ăn chăn nuôi B.E. 2558 (2015) phải được cơ sở sản xuất kiểm tra và phê duyệt trước khi xuất khẩu. (Phụ lục I) |
| 54 | G/SPS/N/EU/629 | ATTP, CT | Liên minh châu Âu | 24/3/2023 | Dự thảo Quy định của Ủy ban sửa đổi Phụ lục II của Quy định (EC) số 1333/2008 của Nghị viện và Hội đồng châu Âu liên quan đến việc sử dụng polyglycerol polyricinoleate (E 476) và Phụ lục của Quy định Ủy ban (EU) số 231/2012 liên quan đến thông số kỹ thuật đối với glycerol (E 422), este polyglycerol của axit béo (E 475) và polyglycerol polyricinoleate (E 476) | Văn bản sửa đổi các thông số kỹ thuật của EU về phụ gia thực phẩm được phép glycerol (E 422), este polyglycerol của axit béo (E 475) và polyglycerol polyricinoleate (E 476) và cho phép mở rộng sử dụng polyglycerol polyricinoleate (E 476) dựa trên các ý kiến khoa học gần đây từ Cơ quan An toàn Thực phẩm Châu Âu (EFS). Đối với glycerol (E 422), các thông số kỹ thuật hiện tại được điều chỉnh bằng cách giảm giới hạn tối đa đối với các nguyên tố độc hại (asen, chì, thủy ngân và cadmium), xóa phương pháp nhận dạng dựa trên sự hình thành acrolein trong quá trình gia nhiệt, xóa xét nghiệm về sự có mặt của acrolein, đưa vào giới hạn tối đa cho acrolein và sửa đổi định nghĩa về glycerol (E 422). Đối với este polyglycerol của axit béo (E 475), các thông số kỹ thuật hiện hành được điều chỉnh bằng cách giảm các giới hạn tối đa đối với các nguyên tố độc hại, đưa vào các giới hạn tối đa đối với tổng 3-monochloropropanediol (3-MCPD) và este của axit béo 3-MCPD (được biểu thị bằng 3-MCPD), este của axit béo glycidyl (được biểu thị bằng glycidol) và axit erucic và sửa đổi định nghĩa về este polyglycerol của axit béo (E 475). Đối với polyglycerol polyricinoleate (E 476), các thông số kỹ thuật hiện hành được điều chỉnh bằng cách giảm các giới hạn tối đa đối với các nguyên tố độc hại, đưa vào các giới hạn tối đa đối với tổng 3-monochloropropanediol (3-MCPD) và este của axit béo 3-MCPD (được biểu thị là 3-MCPD) và este của axit béo glycidyl (được biểu thị là glycidol) và sửa đổi định nghĩa của polyglycerol polyricinoleate (E 476).  Văn bản cũng cho phép sử dụng polyglycerol polyricinolate (E 476) trong danh mục thực phẩm 03 'Đá ăn được' ở mức tối đa là 4.000 mg/kg và trong danh mục thực phẩm 12.6 'Nước sốt' ở mức tăng tối đa là 8.000 mg/kg đối với nước sốt dạng nhũ tương có hàm lượng chất béo từ 20% trở lên.  Để cho phép quá trình chuyển đổi suôn sẻ, văn bản quy định việc sử dụng phụ gia thực phẩm glycerol (E 422), este polyglycerol của axit béo (E 475) và polyglycerol polyricinolate (E 476) được đưa ra thị trường một cách hợp pháp trước ngày Quy định này có hiệu lực được cho phép trong thời gian chuyển tiếp 6 tháng. Thực phẩm có chứa các chất phụ gia thực phẩm như vậy có thể tiếp tục được đưa ra thị trường trong cùng thời kỳ chuyển tiếp và có thể tiếp tục được bán trên thị trường cho đến ngày chúng hết hạn sử dụng hoặc 'hạn sử dụng'. Phụ gia thực phẩm este polyglycerol của axit béo (E 475) được đưa ra thị trường hợp pháp sau ngày Quy định này có hiệu lực và tuân thủ mức tối đa trung gian đã giảm đối với este của axit béo glycidyl (được biểu thị bằng glycidol) được phép sử dụng cho đến khi không còn sản phẩm trên thị trường và thực phẩm có chứa chất phụ gia thực phẩm đó nên được phép đưa ra thị trường và duy trì trên thị trường cho đến ngày hạn sử dụng tối thiểu hoặc 'hết hạn sử dụng' |
| 55 | G/SPS/N/AUS/563 | ATTP, BVTV, TY | Úc | 24/3/2023 | Đề xuất sửa đổi Phụ lục 20 của Bộ luật Tiêu chuẩn thực phẩm Úc Niu Di-lân sửa đổi (21 tháng 3 năm 2023) | Đề xuất này sửa đổi Bộ luật Tiêu chuẩn Thực phẩm của Úc, Niu Di-lân để điều chỉnh các giới hạn dư lượng tối đa (MRL) sau đây đối với các hóa chất nông nghiệp và thú y khác nhau để chúng phù hợp với các quy định quốc gia khác liên quan đến việc sử dụng an toàn và hiệu quả các hóa chất nông nghiệp và thú y:   * Dodine, fipronil, fluopicolide, indaziflam, inpyrfluxam, ipflufenoquin, mandestrobin, mesotrione, metrafenone, propamocarb, proquinazid, prosulfocarb, pyraclostrobin, sethoxydim và tetraniliprole trong các mặt hàng thực vật cụ thể;   − Fluralaner, indaziflam, inpyrfluxam và ipflufenoquin trong các mặt hàng động vật cụ thể |
| 56 | G/SPS/N/USA/3372 | ATTP, BVTV | Hoa Kỳ | 24/3/2023 | Dung sai thuốc trừ sâu azoxystrobin. Quy tắc cuối cùng | Quy định này thiết lập mức cho phép đối với dư lượng azoxystrobin trong hoặc trên xoài, đu đủ và cọ dầu |
| 57 | G/SPS/N/EU/628 | TY | Liên minh châu Âu | 23/3/2023 | Quy định ủy quyền của Ủy ban (EU) 2023/647 ngày 13 tháng 1 năm 2023 sửa đổi Quy định được ủy quyền (EU) 2020/686 bổ sung Quy định (EU) 2016/429 của Nghị viện và Hội đồng châu Âu liên quan đến việc phê duyệt các cơ sở sản xuất sản phẩm mầm và truy xuất nguồn gốc và các yêu cầu về sức khỏe động vật đối với việc di chuyển trong Liên minh các sản phẩm mầm của một số động vật trên cạn | Điều chỉnh một số yếu tố của Quy định ủy quyền (EU) 2020/686 hiện hành dựa trên kinh nghiệm triển khai và hướng tới sự phù hợp tốt hơn với các tiêu chuẩn quốc tế. Những thay đổi liên quan đến định nghĩa và chức năng của nhóm thu thập phôi, bỏ quy định về các sản phẩm mầm bệnh của chó và mèo, xét nghiệm hội chứng hô hấp và sinh sản ở lợn và bệnh sốt ở lợn, các yêu cầu đối với bệnh xuất huyết động vật và bỏ quy định về việc bổ sung kháng sinh vào tinh dịch. |
| 58 | G/SPS/N/CAN/1496 | TY | Canada | 23/3/2023 | Quy định sửa đổi Quy định về sức khỏe động vật (Nhận dạng và truy xuất nguồn gốc vật nuôi) | Cơ quan Thanh tra Thực phẩm Canada đề xuất sửa đổi quy định về sức khỏe động vật, Phần XV: Nhận dạng và truy xuất nguồn gốc vật nuôi, liên quan đến các yêu cầu xác định và truy xuất nguồn gốc đối với các loài vật nuôi ở Canada và các yêu cầu nhận dạng đối với xuất nhập khẩu.  Các sửa đổi được đề xuất đối với quy định về sức khỏe động vật sẽ mở rộng phạm vi và cải thiện khả năng tiếp cận, tính kịp thời và chính xác của thông tin nhận dạng và di chuyển động vật, áp dụng các yêu cầu mới cho cả hai loài hiện đang được quản lý (bò rừng bizon, gia súc, cừu và lợn) cũng như các loài được đề xuất (dê và hươu nai) hiện sẽ được quy định. Các bản cập nhật đối với các yêu cầu về nhận dạng và hồ sơ động vật cũng sẽ tăng tính linh hoạt và hiệu quả trong toàn bộ hệ thống truy xuất nguồn gốc.  Các sửa đổi sẽ giải quyết các lỗ hổng đã được xác định trong hệ thống truy xuất nguồn gốc vật nuôi hiện tại bằng cách:  − Bổ sung dê và hươu nai nuôi là loài được điều chỉnh;  − Bao gồm các yêu cầu về báo cáo sự di chuyển đối với tất cả các hoạt động trong nước của các loài thuộc diện điều chỉnh;  − Giảm thời gian khai báo thông tin về cơ sở dữ liệu trung tâm từ 30-60 ngày xuống còn 7 ngày đối với tất cả các loài;  − Và yêu cầu dữ liệu vị trí chính xác hơn được báo cáo thông qua các chương trình nhận dạng cơ sở của tỉnh phân bổ số nhận dạng cơ sở cho các địa điểm nông nghiệp.  Bằng cách giải quyết các lỗ hổng trong hệ thống truy xuất nguồn gốc vật nuôi, đề xuất quy định sẽ tăng cường khả năng bảo vệ nguồn cung cấp thực phẩm và cơ sở tài nguyên động vật của Canada và giảm tác động của các sự kiện khác nhau đối với đàn gia súc quốc gia của Canada và nền kinh tế nông nghiệp Canada.  Tuân thủ Bộ luật Sức khỏe Động vật Trên cạn của Tổ chức Thú y Thế giới, Phần 4.1 – Nguyên tắc chung về nhận dạng và truy xuất nguồn gốc động vật sống |
| 59 | G/SPS/N/THA/631 | TY | Thái Lan | 22/3/2023 | Lệnh DLD tạm dừng nhập khẩu lợn nhà, lợn rừng sống và sản phẩm của chúng từ Việt Nam để ngăn chặn sự lây lan của dịch tả lợn châu Phi | Theo thông báo của Công báo Chính phủ ngày 11 tháng 11 năm 2022, việc tạm dừng nhập khẩu lợn rừng và lợn nuôi bao gồm lợn sống và thân thịt của chúng từ Việt Nam kể từ ngày 13 tháng 11 năm 2022 đã hết hiệu lực vào ngày 10 tháng 2 năm 2023. Tuy nhiên, WOAH đã báo cáo rằng dịch tả lợn châu Phi tiếp tục bùng phát trong khu vực của Việt Nam. Vì vậy, Thái Lan cần ngăn chặn sự xâm nhập của dịch tả lợn châu Phi vào nước này. Theo Đạo luật Dịch tễ Động vật B.E. 2558 (2015), việc nhập khẩu lợn nuôi và lợn rừng sống và thân thịt của chúng từ Việt Nam tạm thời bị đình chỉ trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày công bố trên Công báo Hoàng gia Thái Lan (7 tháng 3 năm 2023) |
| 60 | G/SPS/N/EU/627 | ATTP, BVTV | Liên minh châu Âu | 22/3/2023 | Dự thảo Quy định thực thi của Ủy ban liên quan đến việc không gia hạn phê duyệt hoạt chất dimoxystrobin, theo Quy định (EC) số 1107/2009 của Nghị viện và Hội đồng châu Âu, và sửa đổi Quy định thực thi của Ủy ban (EU) số 540/2011 và (EU) 2015/408 | Dự thảo quy định thực thi về việc phê duyệt hoạt chất dimoxystrobin không được gia hạn theo Quy định (EC) số 1107/2009. Các quốc gia thành viên EU sẽ rút giấy phép đối với các sản phẩm bảo vệ thực vật có chứa hoạt chất dimoxystrobin. Việc không gia hạn phê duyệt dựa trên đánh giá đầu tiên về chất được sử dụng làm hoạt chất trừ sâu ở Liên minh Châu Âu theo Quy định (EC) số 1107/2009. Chất này trước đây đã được đánh giá và phê duyệt theo Chỉ thị 91/414/EEC.  Quyết định này chỉ liên quan đến việc đưa ra thị trường chất này và các sản phẩm bảo vệ thực vật có chứa chất này. Sau khi không được phê duyệt và hết thời gian ân hạn đối với sản phẩm có chứa chất này, sẽ có một quy định riêng biệt đối với MRL và một thông báo riêng theo quy trình SPS.  Dự thảo Quy chế thực thi của Ủy ban này cũng đã được thông báo theo Hiệp định TBT trong thông báo G/TBT/N/EU/961 |
| 61 | G/SPS/N/CHL/745 | BVTV | Chi Lê | 22/3/2023 | Tham vấn cộng đồng về đề xuất sửa đổi Điều 169, 173 và 452 của Quy định thực phẩm | Đề xuất sửa đổi danh pháp các sản phẩm hiện được phân loại là trái cây sấy khô, để chuyển sang danh mục cụ thể hơn: "hạt cây" danh mục này bao gồm lạc. Quy tắc thực hành vệ sinh đối với các loại hạt cây (CAC/RCP 6-1972) và quy tắc thực hành vệ sinh đối với lạc (đậu phộng) (CAC/RCP 22-1979) đã được xem xét. Các sửa đổi về danh pháp được thực hiện theo các điều khoản khác nhau và các tiêu chí vi sinh được thiết lập, dựa trên điều khoản của vi sinh vật trong thực phẩm 8, ICMSF. Các tiêu chí vi sinh mới đối với chè (*Camellia sinensis*) và trà (*Ilex brasiliensis* và *I. paraguariensis*) và các loại thảo mộc dùng để pha chế cũng được đề xuất, bên cạnh các sửa đổi về danh pháp. Các căn cứ để tham vấn được quy định trong cùng một tài liệu. |
| 62 | G/SPS/N/SAU/474 /Add.1 | TY, CN | Vương quốc Ả-rập Xê-út | 21/3/2023 | Dự thảo giấy chứng nhận sức khỏe để xuất khẩu sản phẩm thức ăn chăn nuôi sang Vương quốc Ả Rập Saudi ("Nguồn gốc động vật hoặc có chứa protein động vật" và "Nguồn gốc thực vật "). Phiên bản cuối cùng | Giấy chứng nhận sức khỏe đề xuất sửa đổi dựa trên ý kiến của các thành viên, với việc tạo ra các giấy chứng nhận mới như sau:  − Giấy chứng nhận sức khỏe để xuất khẩu sản phẩm thức ăn chăn nuôi sang Vương quốc Ả-rập Xê-út (Có nguồn gốc động vật hoặc chứa protein động vật);  − Giấy chứng nhận y tế xuất khẩu thức ăn chăn nuôi chưa sinh sản sang Vương quốc Ả-rập Xê-út (có chứa đạm động vật);  − Giấy chứng nhận sức khỏe để xuất khẩu các sản phẩm thức ăn chăn nuôi/và thức ăn của động vật không sinh sản sang Vương quốc Ả Rập Saudi (nguồn gốc thực vật); Và  − Giấy khám sức khỏe tái xuất sản phẩm thức ăn chăn nuôi của nước thứ 3 sang Vương quốc Ả rập Xê út. Ngoài ra, các điều kiện và yêu cầu để nhập khẩu cỏ khô vào Vương quốc Ả Rập Saudi đã được cập nhật.  <https://members.wto.org/crnattachments/2023/SPS/SAU/23_2130_00_x.pdf>  <https://members.wto.org/crnattachments/2023/SPS/SAU/23_2130_01_x.pdf>  <https://members.wto.org/crnattachments/2023/SPS/SAU/23_2130_02_x.pdf>  <https://members.wto.org/crnattachments/2023/SPS/SAU/23_2130_03_x.pdf>  <https://members.wto.org/crnattachments/2023/SPS/SAU/23_2130_04_x.pdf>  Phụ lục này liên quan đến: Sửa đổi nội dung và/hoặc phạm vi của dự thảo quy định đã được thông báo trước đó |
| 63 | G/SPS/N/CAN/1495 | ATTP, BVTV | Canada | 21/3/2023 | Giới hạn dư lượng tối đa được đề xuất: Prothioconazole (PMRL2023-20) | Tài liệu thông báo PMRL2023-20 là tham khảo về các giới hạn dư lượng tối đa (MRL) đối với prothioconazole được đề xuất bởi Cơ quan quản lý dịch hại của Bộ Y tế Canada (PMRA).   |  |  | | --- | --- | | MRL (ppm)1 | Hàng hóa nông nghiệp thô (RAC) và/hoặc hàng hóa chế biến | | 0,9 | Đậu bóc vỏ khô, trừ đậu tương (phân nhóm cây trồng 6-21E); đậu Hà Lan khô nguyên vỏ (nhóm cây trồng 6-21F)2 | |  | |   1 ppm = phần triệu  2 MRL hiện được thiết lập là 0,9 ppm cho nhóm cây trồng 6C, ngoại trừ đậu tương sẽ được mở rộng để bao gồm tất cả các mặt hàng trong nhóm cây trồng 6-21E (đậu khô còn vỏ, trừ đậu tương) và nhóm cây trồng 6-21F (đậu khô còn vỏ) |
| 64 | G/SPS/N/CAN/1494 | ATTP, BVTV | Canada | 21/3/2023 | Giới hạn dư lượng tối đa được đề xuất: Mefentrifluconazole (PMRL2023-19). | Tài liệu thông báo PMRL2023-19 là tham khảo về giới hạn dư lượng tối đa được liệt kê (MRL) đối với mefentrifluconazole được đề xuất bởi Cơ quan Quản lý Dịch hại của Bộ Y tế Canada (PMRA).   |  |  | | --- | --- | | MRL (ppm)1 | Hàng hóa nông nghiệp thô (RAC) và/hoặc hàng hóa chế biến | | 0,15 | Rau họ đậu (nhóm cây trồng 6-21), trừ đậu lăng khô và đậu tương khô2 |   1 ppm = phần triệu  2 MRL hiện được thiết lập là 0,15 ppm cho nhóm cây trồng nhóm 6 (ngoại trừ đậu lăng khô và đậu tương khô) sẽ được mở rộng để bao gồm tất cả các mặt hàng trong nhóm cây trồng 6-21 (ngoại trừ đậu lăng khô và đậu tương khô). Các MRL đã được thiết lập cho đậu lăng khô và đậu tương khô ở mức tương ứng là 2,0 ppm và 0,4 ppm sẽ không thay đổi do hành động PMRL này |
| 65 | G/SPS/N/BRA/2144 | ATTP, BVTV | Bra-xin | 21/3/2023 | Dự thảo Nghị quyết số 1150, ngày 10 tháng 3 năm 2023. | Dự thảo đề xuất đưa đậu tương có MRL là 0,05 mg/kg và thời hạn bảo đảm an toàn là 58 ngày, ở phương thức sử dụng (bón) trong đất; "Định nghĩa về dư lượng để tuân thủ MRL và đánh giá rủi ro trong chế độ ăn uống: metaldehyde (Anvisa, 2023)", bảng phân loại độc tính và các thông số tham chiếu độc tính, trong chuyên khảo của hoạt chất M09 – metaldehyde vào danh sách chuyên khảo về các thành phần hoạt chất của thuốc trừ sâu, chất khử trùng và chất bảo quản gỗ, được công bố thông qua hướng dẫn quy phạm - IN số 103, ngày 19 tháng 10 năm 2021 |
| 66 | G/SPS/N/BRA/2143 | ATTP, BVTV | Bra-xin | 21/3/2023 | Dự thảo Nghị quyết số 1149, ngày 10 tháng 3 năm 2023. | Dự thảo Nghị quyết về việc sửa đổi, bổ sung các hoạt chất C36 – cyproconazole, c63 – lambdacyyolthrine, d21 – diquate, d59 – dimpropyridaz, f40 – formetanate, f66 – flubendiamide, m26.1 - methyl metsulfurom, p34 - pyriproxifem, t24 - trifluralin và t34 – triflumurom vào danh sách chuyên khảo hoạt chất của thuốc trừ sâu, chất khử trùng làm vệ sinh và chất bảo quản gỗ, được công bố thông qua hướng dẫn quy phạm - IN số 103, ngày 19 tháng 10 năm 2021 trên Công báo Bra-xin (DOU - Diário Oficial da União) |

1. **Danh sách các văn bản quy định về SPS có hiệu lực hoặc thông qua**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã WTO** | **Lĩnh vực** | **Quốc gia/ Khu vực** | **Ngày thông báo** | **Tiêu đề** | **Tóm tắt nội dung** |
| 1 | G/SPS/N/UKR/198 /Add.1 | TY | Ucraina | 19/4/2023 | Dự thảo Lệnh của Bộ Chính sách Nông nghiệp và Thực phẩm Ucraina "Về việc sửa đổi Lệnh số 813 ngày 20 tháng 10 năm 2022 và phê duyệt các yêu cầu đối với một số chỉ tiêu chất lượng đối với thịt gia cầm" | Ucraina thông báo về việc thông qua Lệnh của Bộ Chính sách Nông nghiệp và Lương thực Ucraina Số 625 "Về việc sửa đổi Lệnh số 813 ngày 20 tháng 10 năm 2022 và phê duyệt các yêu cầu đối với chất lượng nhất định chỉ số cho thịt gia cầm" vào ngày 27 tháng 3 năm 2023.  Lệnh đã được đăng ký với Bộ Tư pháp Ucraina vào ngày 5 tháng 4 năm 2023, được công bố và có hiệu lực vào ngày 7 tháng 4 năm 2023, ngoại trừ các đoạn 3-5 sẽ có hiệu lực vào ngày 1 tháng 1 năm 2024. |
| 2 | G/SPS/N/TUR/65 /Add.2 | ATTP, TY | Thổ Nhĩ Kỳ | 18/4/2023 | Thổ Nhĩ Kỳ sửa đổi quy định về phân loại và giới hạn dư lượng tối đa của các hoạt chất dược lý trong thực phẩm có nguồn gốc động vật | ''Quy định của bộ luật thực phẩm Thổ Nhĩ Kỳ về phân loại và giới hạn dư lượng tối đa của các chất có hoạt tính dược lý trong thực phẩm có nguồn gốc động vật'' đã được thông báo qua G/SPS/N/TUR/65/Add.1 vào ngày 23/01/2017.  ''Quy định Codex về thực phẩm của Thổ Nhĩ Kỳ sửa đổi về phân loại và giới hạn dư lượng tối đa của các chất có hoạt tính dược lý trong thực phẩm có nguồn gốc động vật'' đã được thông báo qua G/SPS/N/TUR/103 vào ngày 09/11/2018.  Một sửa đổi đã được đề xuất thông qua ''Quy định về Codex thực phẩm của Thổ Nhĩ Kỳ sửa đổi quy định về phân loại và giới hạn dư lượng tối đa của các chất có hoạt tính dược lý trong thực phẩm có nguồn gốc từ động vật''.  Các thay đổi đã được thực hiện liên quan đến điều kiện sử dụng và giới hạn dư lượng tối đa của hoạt chất bambermycin và imidacloprid.  Quy định này sẽ có hiệu lực vào ngày 31 tháng 7 năm 2023. |
| 3 | G/SPS/N/SGP/80 /Add.1 | ATTP, TY | Singapore | 18/4/2023 | Dự thảo quy định về thực phẩm (Sửa đổi số Y) 2022 | Dự thảo Quy định thực phẩm (Sửa đổi số Y) 2022 (liên quan đến mức dư lượng thuốc thú y trong thực phẩm) được thông báo trong G/SPS/N/SGP/80 đã được công bố là Quy định thực phẩm (Sửa đổi) 2023 vào ngày 17 tháng 4 năm 2023 và sẽ có hiệu lực vào 28 tháng 4 năm 2023. |
| 4 | G/SPS/N/USA/3169 /Add.2 | ATTP | Hoa Kỳ | 11/4/2023 | Danh sách các chất phụ gia màu được miễn chứng nhận; Chiết xuất tảo xoắn; Xác nhận ngày có hiệu lực | Cục Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm (FDA) của Hoa Kỳ đang xác nhận ngày có hiệu lực là ngày 13 tháng 12 năm 2022 cho quy tắc cuối cùng xuất hiện trong sổ đăng ký Liên bang ngày 10 tháng 11 năm 2022 sửa đổi các quy định về phụ gia tạo màu để cung cấp việc sử dụng an toàn chiết xuất tảo xoắn (*Arthrospira platensis*) làm phụ gia tạo màu trong đồ uống có cồn với hàm lượng cồn dưới 20%, đồ uống không cồn, gia vị và nước sốt, nước chấm, sản phẩm thay thế từ sữa (được xác định là sản phẩm thay thế sữa chua không sữa, món tráng miệng đông lạnh không sữa và bánh pudding không sữa), nước sốt salad và hỗn hợp gia vị (không đun nóng).  Ngày có hiệu lực của quy tắc cuối cùng được công bố trong sổ đăng ký Liên bang ngày 10 tháng 11 năm 2022 (87 FR 67785) được xác nhận là ngày 13 tháng 12 năm 2022.  <https://www.federalregister.gov/d/2023-05361>  <https://members.wto.org/crnattachments/2023/SPS/USA/23_8839_00_e.pdf>  Phụ lục này liên quan đến: Thông báo về việc thông qua, công bố hoặc có hiệu lực của quy định |
| 5 | G/SPS/N/TPKM/598 /Add.1 | ATTP | Đài Loan | 31/3/2023 | Dự thảo Tiêu chuẩn vệ sinh đối với phẩm màu tự nhiên ăn được | Dự thảo Tiêu chuẩn vệ sinh đối với chất tạo màu tự nhiên ăn được, ngày 12 tháng 10 năm 2022 (G/SPS/N/TPKM/598), hiện đã được hoàn thiện. Phiên bản cuối cùng của Tiêu chuẩn đã có hiệu lực vào ngày 29 tháng 3 năm 2023.  <https://members.wto.org/crnattachments/2023/SPS/TPKM/23_8521_00_x.pdf>  <https://members.wto.org/crnattachments/2023/SPS/TPKM/23_8521_00_e.pdf>  Phụ lục này liên quan đến: Thông báo về việc thông qua, công bố hoặc có hiệu lực của quy định |
| 6 | G/SPS/N/JPN/1103 /Add.1 | ATTP, BVTV. TY | Nhật Bản | 31/3/2023 | Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng) | Các giới hạn dư lượng tối đa được đề xuất (MRL) cho Fenpyrazamine được thông báo trong G/SPS/N/JPN/1103 (ngày 7 tháng 9 năm 2022) đã được thông qua và công bố vào ngày 14 tháng 2 năm 2023. Các MRL được chỉ định có sẵn như sau:  <https://members.wto.org/crnattachments/2023/SPS/JPN/23_8672_00_e.pdf>  Phụ lục này liên quan đến: Thông báo về việc thông qua, công bố hoặc có hiệu lực của quy định |
| 7 | G/SPS/N/JPN/1102 /Add.1 | ATTP, BVTV. TY | Nhật Bản | 31/3/2023 | Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng) | Các giới hạn dư lượng tối đa (MRL) được đề xuất cho Flonicamid được thông báo trong G/SPS/N/JPN/1102 (ngày 7 tháng 9 năm 2022) đã được thông qua và công bố vào ngày 14 tháng 2 năm 2023. Các MRL cụ thể có sẵn như sau:  <https://members.wto.org/crnattachments/2023/SPS/JPN/23_8670_00_e.pdf>  Phụ lục này liên quan đến: Thông báo về việc thông qua, công bố hoặc có hiệu lực của quy định |
| 8 | G/SPS/N/JPN/1101 /Add.1 | ATTP, BVTV. TY, CL&CB | Nhật Bản | 31/3/2023 | Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng) | Các giới hạn dư lượng tối đa (MRL) được đề xuất cho Trifloxystrobin được thông báo trong G/SPS/N/JPN/1101 (ngày 7 tháng 9 năm 2022) đã được thông qua và công bố vào ngày 14 tháng 2 năm 2023. Các MRL cụ thể như sau:  <https://members.wto.org/crnattachments/2023/SPS/JPN/23_8668_00_e.pdf>  Phụ lục này liên quan đến: Thông báo về việc thông qua, công bố hoặc có hiệu lực của quy định |
| 9 | G/SPS/N/JPN/1100 /Add.1 | ATTP, BVTV. TY | Nhật Bản | 31/3/2023 | Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng) | Các giới hạn dư lượng tối đa (MRL) được đề xuất cho Penthiopyrad được thông báo trong G/SPS/N/JPN/1100 (ngày 7 tháng 9 năm 2022) đã được thông qua và công bố vào ngày 14 tháng 2 năm 2023. Các MRL cụ thể như sau:  <https://members.wto.org/crnattachments/2023/SPS/JPN/23_8664_00_e.pdf>  Phụ lục này liên quan đến: Thông báo về việc thông qua, công bố hoặc có hiệu lực của quy định |
| 10 | G/SPS/N/JPN/1097 /Add.1 | ATTP, BVTV. TY | Nhật Bản | 31/3/2023 | Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng) | Các giới hạn dư lượng tối đa (MRL) được đề xuất cho Fenarimol được thông báo trong G/SPS/N/JPN/1097 (ngày 7 tháng 9 năm 2022) đã được thông qua và công bố vào ngày 14 tháng 2 năm 2023. Các MRL được chỉ định như sau:  <https://members.wto.org/crnattachments/2023/SPS/JPN/23_8621_00_e.pdf>  Phụ lục này liên quan đến: Thông báo về việc thông qua, công bố hoặc có hiệu lực của quy định |
| 11 | G/SPS/N/JPN/1098 /Add.1 | ATTP, BVTV. TY, CLCB | Nhật Bản | 31/3/2023 | Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng) | Các giới hạn dư lượng tối đa được đề xuất (MRL) cho Fluxametamide được thông báo trong G/SPS/N/JPN/1098 (ngày 7 tháng 9 năm 2022) được thông qua và công bố ngày 14 tháng 2 năm 2023. Các MRL được chỉ định như sau:  <https://members.wto.org/crnattachments/2023/SPS/JPN/23_8657_00_e.pdf>  Phụ lục này liên quan đến: Thông báo về việc thông qua, công bố hoặc có hiệu lực của quy định |
| 12 | G/SPS/N/JPN/1096 /Add.1 | ATTP, BVTV. TY, CLCB | Nhật Bản | 31/3/2023 | Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng) | Các giới hạn dư lượng tối đa (MRL) được đề xuất cho Acynonapyr được thông báo trong G/SPS/N/JPN/1096 (ngày 7 tháng 9 năm 2022) đã được thông qua và công bố vào ngày 14 tháng 2 năm 2023. Các MRL cụ thể như sau:  <https://members.wto.org/crnattachments/2023/SPS/JPN/23_8597_00_e.pdf>  Phụ lục này liên quan đến: Thông báo về việc thông qua, công bố hoặc có hiệu lực của quy định |
| 13 | G/SPS/N/JPN/854 /Add.1 | ATTP | Nhật Bản | 31/3/2023 | Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng) | Việc xóa bỏ quy định về việc cấm sử dụng chất phụ gia trong vật chứa hoặc bao bì đối với sữa và sản phẩm sữa được thông báo trong G/SPS/N/JPN/854 (ngày 9 tháng 6 năm 2021) đã được thông qua và công bố vào ngày 30 tháng 7 năm 2021.  <https://members.wto.org/crnattachments/2023/SPS/JPN/23_8681_00_e.pdf>  Phụ lục này liên quan đến: Thông báo về việc thông qua, công bố hoặc có hiệu lực của quy định |
| 14 | G/SPS/N/JPN/686 /Add.1 | CT | Nhật Bản | 31/3/2023 | Sửa đổi một phần thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. (Thông báo của Bộ Y tế và Phúc lợi số 370 năm 1959) và Sắc lệnh cấp Bộ về sữa và sản phẩm sữa liên quan đến tiêu chuẩn thành phần, v.v. (Lệnh của Bộ Y tế và Phúc lợi số 52 năm 1951) (quy tắc cuối cùng) | Sửa đổi một phần các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với hộp đựng và bao bì dành cho sữa và sản phẩm sữa được thông báo trong G/SPS/N/JPN/686 (ngày 10 tháng 10 năm 2019) đã được thông qua và công bố vào ngày 4 tháng 12 năm 2020.  <https://members.wto.org/crnattachments/2023/SPS/JPN/23_8679_00_e.pdf>  Phụ lục này liên quan đến: Thông báo về việc thông qua, công bố hoặc có hiệu lực của quy định |
| 15 | G/SPS/N/JPN/685 /Add.1 | ATTP, BVYTV, TY, CT, CBCL | Nhật Bản | 31/3/2023 | Sửa đổi một phần thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. (Thông báo của Bộ Y tế và Phúc lợi số 370 năm 1959) và Sắc lệnh cấp Bộ về sữa và sản phẩm sữa liên quan đến tiêu chuẩn thành phần, v.v. (Lệnh của Bộ Y tế và Phúc lợi số 52 năm 1951) (quy tắc cuối cùng) | Số lượng do Bộ trưởng Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi quy định là không có khả năng gây hại cho sức khỏe con người đối với nguyên liệu thô được sử dụng cho thiết bị, hộp đựng và bao bì thực phẩm được thông báo trong G/SPS/N/JPN/685 (ngày 10 tháng 10 năm 2019) được công bố vào ngày 28 tháng 4 năm 2020 và có hiệu lực vào ngày 1 tháng 6 năm 2020. Chi tiết như sau:  <https://members.wto.org/crnattachments/2023/SPS/JPN/23_8676_00_e.pdf>  Phụ lục này liên quan đến: Thông báo về việc thông qua, công bố hoặc có hiệu lực của quy định |
| 16 | G/SPS/N/JPN/681 /Add.1 | ATTP | Nhật Bản | 31/3/2023 | Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. (Thông báo công khai của Bộ Y tế và Phúc lợi số 370, 1959) (quy tắc cuối cùng) | Việc sửa đổi Thông số kỹ thuật và Tiêu chuẩn cho Thực phẩm, Phụ gia Thực phẩm, v.v. được thông báo trong G/SPS/N/JPN/681 (ngày 12 tháng 8 năm 2019) được công bố vào ngày 28 tháng 4 năm 2020 và có hiệu lực vào ngày 1 tháng 6 năm 2020.  Đề cương sửa đổi có sẵn như sau: <https://members.wto.org/crnattachments/2023/SPS/JPN/23_8671_00_e.pdf>  Phụ lục này liên quan đến: Thông báo về việc thông qua, công bố hoặc có hiệu lực của quy định |
| 17 | G/SPS/N/THA/419 /Add.1 | TY | Thái Lan | 28/3/2023 | Tiêu chuẩn nông nghiệp Thái Lan mang tên "Thực hành nông nghiệp tốt cho trang trại lợn" | Tiêu chuẩn có tên "Thực hành nông nghiệp tốt cho trang trại lợn" đã được Cục Tiêu chuẩn thực phẩm và hàng hóa nông nghiệp quốc gia (ACFS), Bộ Nông nghiệp và Hợp tác xã thông báo trước đó trong G/SPS/N/THA/419 ngày 23 tháng 6 năm 2021. Tiêu chuẩn đã được công bố trên Công báo Hoàng gia ngày 03 tháng 2 năm 2023.  Ngày có hiệu lực:  (1) 90 ngày sau khi đăng trên Công báo Hoàng gia (ngày 4 tháng 5 năm 2023), sẽ được áp dụng cho các trang trại chăn nuôi lợn có quy mô không dưới 1.500 đầu lợn vỗ béo hoặc không dưới 120 lợn nái;  (2) 180 ngày sau khi đăng trên Công báo Hoàng gia (02 tháng 8 năm 2023), sẽ được áp dụng cho các trang trại chăn nuôi lợn có quy mô 500-1.499 lợn vỗ béo hoặc 95-119 lợn nái.  Tiêu chuẩn này sẽ không có hiệu lực đối với các trang trại lợn do Cục Phát triển chăn nuôi quản lý theo phương thức chăn nuôi hữu cơ và chăn nuôi lợn trong chuồng (Moo-loom).  <https://members.wto.org/crnattachments/2023/SPS/THA/23_8487_00_x.pdf>  <https://members.wto.org/crnattachments/2023/SPS/THA/23_8487_00_e.pdf>  Phụ lục này liên quan đến: Thông báo về việc thông qua, công bố hoặc có hiệu lực của quy định |
| 18 | G/SPS/N/CAN/1469 /Add.1 | ATTP, BVTV | Canada | 28/3/2023 | Giới hạn dư lượng tối đa được thiết lập: Ipflufenoquin | Tài liệu đề xuất về giới hạn dư lượng tối đa (PMRL) đối với ipflufenoquin được thông báo trong G/SPS/N/CAN/1469 (ngày 5 tháng 1 năm 2023) đã được thông qua vào ngày 23 tháng 3 năm 2023. Các MRL đề xuất được thiết lập thông qua mục nhập vào Cơ sở dữ liệu giới hạn dư lượng tối đa và được cung cấp ngay bên dưới:   |  |  | | --- | --- | | MRL (ppm)1 | Hàng hóa nông nghiệp thô (RAC) và/hoặc hàng hóa chế biến | | 0,15 | Quả lựu (nhóm cây trồng 11-09) | | 0,01 | Hạt hạnh nhân | | 1 ppm = phần triệu | | |
| 19 | G/SPS/N/CAN/1463 /Add.1 | ATTP, BVTV | Canada | 27/3/2023 | Giới hạn dư lượng tối đa được thiết lập: Florylpicoxamid | Tài liệu đề xuất về giới hạn dư lượng tối đa (PMRL) đối với florylpicoxamid được thông báo trong G/SPS/N/CAN/1463 (ngày 7 tháng 11 năm 2022) đã được thông qua vào ngày 20 tháng 3 năm 2023.  Các MRL đề xuất được thiết lập thông qua mục nhập vào Cơ sở dữ liệu giới hạn dư lượng tối đa và được cung cấp ngay bên dưới:   |  |  | | --- | --- | | MRL (ppm)1 | Hàng hóa nông nghiệp thô (RAC) và/hoặc hàng hóa chế biến | | 0,02 | Trứng; mỡ, thịt và phụ phẩm thịt của gia súc, dê, ngựa, lợn, gia cầm và cừu; sữa | | 0,015 | Hạt cải dầu (phân nhóm cây trồng 20A) (sửa đổi) | | 0,01 | Đậu khô có vỏ, trừ đậu tương (phân nhóm cây trồng 6-21E); đậu khô bóc vỏ (nhóm cây trồng 6-21F); lúa mì (phân nhóm cây trồng 15-21A); củ cải đường | | 1 ppm = phần triệu | | |
| 20 | G/SPS/N/NZL/709 /Add.1 | BVTV | Niu Di-lân | 23/3/2023 | Sửa đổi tiêu chuẩn sức khỏe nhập khẩu của Bộ Công nghiệp cơ bản (MPI) 155.02.06: Nhập khẩu giống ươm cây | Bộ các ngành công nghiệp cơ bản đã sửa đổi tiêu chuẩn y tế nhập khẩu 155.02.06: Nhập khẩu Đàn giống cây trồng có hiệu lực từ ngày 22 tháng 3 năm 2023. Tiêu chuẩn này đã được sửa đổi để cho phép sử dụng phương pháp xử lý hóa học thay thế trên bờ để quản lý *Chrysomphalus aonidum* quy mô trên tất cả các cây *Dracaena* và các cành ươm bất hoạt đủ điều kiện nhập khẩu vào Niu Di-lân, thay cho việc khử trùng bằng methyl bromide.  Ngoài ra, các yêu cầu xử lý *Dracaena* đã được chuyển sang tiêu chuẩn xử lý an toàn sinh học (ABRTT) được MPI phê duyệt.  Phụ lục này liên quan đến: Thông báo về việc thông qua, công bố hoặc có hiệu lực của quy định |
| 21 | G/SPS/N/BRA/2128 /Add.1 | ATTP, BVTV | Bra-xin | 23/3/2023 | Dự thảo Nghị quyết số 1133, ngày 15 tháng 12 năm 2022 | Dự thảo Nghị quyết số 1133, ngày 15 tháng 12 năm 2022 - đã được thông báo thông qua G/SPS/N/BRA/2128 - được coi là đề xuất đưa hoạt chất A02 - acephate, a41 - amicarbazone, c25.1 - cartap hydrochloride, bây giờ là mã c25; c63 - lambda-cyhalothrin, c81 - cyclaniliprole, d25 - diurom, f24 - fenpropimorph, f55 - fenamidone, g05 - glufosinate, i30 - impirfluxam, m52 - mefentrifuconazole, o21 - oxathiapiproline, p52 - pymetrozine, p69 - pinoxadem và t54 - trifloxystrobin vào danh sách chuyên khảo về các thành phần hoạt tính cho thuốc trừ sâu, sản phẩm tẩy rửa gia dụng và chất bảo quản gỗ, được công bố bởi dướng dẫn quy chuẩn số 103 - 19 tháng 10 năm 2021 trên Công báo Bra-xin (DOU - Diário Oficial da União), đã được thông qua làm hướng dẫn quy chuẩn số 219, ngày 20 tháng 3 năm 2023.  Văn bản cuối cùng chỉ có bằng tiếng Bồ Đào Nha và có thể tải xuống tại:  <http://antigo.anvisa.gov.br/documents/10181/6528917/IN_219_2023_.pdf/ee45a1b7-4e14-4d93-b155-a6419c16bb45>  Phụ lục này liên quan đến: Thông báo về việc thông qua, công bố hoặc có hiệu lực của quy định |
| 22 | G/SPS/N/BRA/2125 /Add.1 | ATTP, BVTV | Bra-xin | 23/3/2023 | Dự thảo Nghị quyết số 1132, ngày 15 tháng 12 năm 2022 | Dự thảo Nghị quyết số 1132, ngày 15 tháng 12 năm 2022 - đã được thông báo thông qua G/SPS/N/BRA/2125 - được coi là đề xuất đưa hoạt chất B61: Baculovirus spodoptera littoralis vào danh sách chuyên khảo về các thành phần hoạt chất cho thuốc trừ sâu, sản phẩm tẩy rửa gia dụng và chất bảo quản gỗ, được công bố bởi hướng dẫn quy chuẩn số 103 - 19 tháng 10 năm 2021 trên Công báo Bra-xin (DOU - Diário Oficial da União), đã được thông qua làm hướng dẫn quy chuẩn số 218, ngày 20 tháng 3 năm 2023.  Văn bản cuối cùng chỉ có bằng tiếng Bồ Đào Nha và có thể tải xuống tại:  <http://antigo.anvisa.gov.br/documents/10181/6528895/IN_218_2023_.pdf/8767f3f4-6d60-4c36-80d9-e96fbdbbef6f>  Phụ lục này liên quan đến: Thông báo về việc thông qua, công bố hoặc có hiệu lực của quy định |
| 23 | G/SPS/N/BRA/2120 /Add.1 | ATTP, BVTV | Bra-xin | 23/3/2023 | Dự thảo Nghị quyết số 1125, ngày 23 tháng 11 năm 2022 | Dự thảo Nghị quyết số 1125, ngày 23 tháng 11 năm 2022 - đã được thông báo thông qua G/SPS/N/BRA/2120 - được coi là đề xuất đưa hoạt chất S22: Swinglea glutinosa vào danh sách chuyên khảo về các thành phần hoạt tính cho thuốc trừ sâu, sản phẩm tẩy rửa gia dụng và chất bảo quản gỗ, được công bố bởi hướng dẫn quy chuẩn số 103 - 19 tháng 10 năm 2021 trên Công báo Bra-xin (DOU - Diário Oficial da União), đã được thông qua làm hướng dẫn quy chuẩn số 217, ngày 20 tháng 3 năm 2023.  Văn bản cuối cùng chỉ có bằng tiếng Bồ Đào Nha và có thể tải xuống tại:  <http://antigo.anvisa.gov.br/documents/10181/6520237/IN_217_2023_.pdf/9410052c-5d84-408e-bd24-a560c5fc4cca>  Phụ lục này liên quan đến: Thông báo về việc thông qua, công bố hoặc có hiệu lực của quy định |
| 24 | G/SPS/N/BRA/2119 /Add.1 | ATTP, BVTV | Bra-xin | 21/3/2023 | Dự thảo Nghị quyết số 1126, ngày 23 tháng 11 năm 2022 | Dự thảo Nghị quyết RDC số 1126, ngày 23 tháng 11 năm 2022 - đã được thông báo thông qua G/SPS/N/BRA/2119 - đề xuất đưa hoạt chất B60: Bacillus paralicheniformis vào danh mục hoạt chất chuyên khảo đối với thuốc trừ sâu, sản phẩm tẩy rửa gia dụng và chất bảo quản gỗ, được thông qua bởi Chỉ thị Quy phạm số số 212, ngày 1 tháng 3 năm 2023. Văn bản cuối cùng chỉ có bằng tiếng Bồ Đào Nha và có thể tải xuống tại:  <http://antigo.anvisa.gov.br/documents/10181/6520266/IN_212_2023_.pdf/cf26da18-efd8-44af-9f6e-e193194f0680>  Phụ lục này liên quan đến: Thông báo về việc thông qua, công bố hoặc có hiệu lực của quy định |
| 25 | G/SPS/N/BRA/2118 /Add.1 | ATTP, BVTV | Bra-xin | 21/3/2023 | Dự thảo Nghị quyết số 1127, ngày 23 tháng 11 năm 2022 | Dự thảo Nghị quyết RDC số 1127, ngày 23 tháng 11 năm 2022 - đã được thông báo thông qua G/SPS/N/BRA/2118 - đề xuất đưa hoạt chất S23: steinernema feeliae vào danh sách thành phần hoạt tính chuyên khảo đối với thuốc trừ sâu, sản phẩm tẩy rửa gia dụng và chất bảo quản gỗ, được công bố bởi Chỉ thị Quy phạm số số 103 - 19 tháng 10 năm 2021 trên Công báo Bra-xin (DOU - Diário Oficial da União), đã được thông qua bơi hướng dẫn Quy chuẩn số 213, ngày 1 tháng 3 năm 2023.  Văn bản cuối cùng chỉ có sẵn bằng tiếng Bồ Đào Nha và có thể tải xuống tại:  <http://antigo.anvisa.gov.br/documents/10181/6520266/IN_213_2023_.pdf/6b45e9c7-8d1f-4503-ba6a-204fff70b9de>  Phụ lục này liên quan đến: Thông báo về việc thông qua, công bố hoặc có hiệu lực của quy định |
| 26 | G/SPS/N/BRA/2117 /Add.1 | ATTP, BVTV | Bra-xin | 21/3/2023 | Dự thảo Nghị quyết số 1128, ngày 23 tháng 11 năm 2022 | Dự thảo Nghị quyết số 1128, ngày 23 tháng 11 năm 2022 - đã được thông báo thông qua G/SPS/N/BRA/2117- đề xuất đưa hoạt chất F74: Phenpropidin vào danh mục hoạt chất chuyên khảo đối với thuốc trừ sâu, sản phẩm tẩy rửa gia dụng và chất bảo quản gỗ, được công bố bởi Chỉ thị Quy phạm số 103 - 19 tháng 10 năm 2021 trên Công báo Bra-xin (DOU - Diário Oficial da União), đã được thông qua bởi hướng dẫn Quy chuẩn số 216, ngày 3 tháng 3 năm 2023.  Văn bản cuối cùng chỉ có bằng tiếng Bồ Đào Nha và có thể tải xuống tại: <http://antigo.anvisa.gov.br/documents/10181/6520341/IN_216_2023_.pdf/e2f6d634-f93e-422e-b945-8240af140a9c>  Phụ lục này liên quan đến: Thông báo về việc thông qua, công bố hoặc có hiệu lực của quy định |
| 27 | G/SPS/N/BRA/2116 /Add.1 | ATTP, BVTV | Bra-xin | 21/3/2023 | Dự thảo Nghị quyết số 1131, ngày 24 tháng 11 năm 2022 | Dự thảo Nghị quyết số 1131, ngày 24 tháng 11 năm 2022 - đã được thông báo thông qua G/SPS/N/BRA/2116 - đề xuất đưa vào các hoạt chất A29 - acetamiprid, a68 - aminocyclopirachlor, b26 - bifentrine, b29 - buprofezine, b54 - bixafem, b55 - emamectin benzoate, c10 - cypermethrin, c40 - chlorfenapir, c63 - lambda-cyalothrine, c70 - chloranthraniliprole, d06 - deltametrin, d36 - difenoconazol, d41 - diafentiurom, f36 - flutriafol, l05 - lufenuromation, m01 - m2 - mefentrifuconazol, o21 - oxatiapiproline, p13 - profenofós, và s19 - sulfoxaflor vào danh sách chuyên khảo về các thành phần hoạt chất cho thuốc trừ sâu, chất khử trùng vệ sinh và chất bảo quản gỗ, được công bố bởi Chỉ thị quy phạm số 103 - 19 tháng 10 năm 2021 trên Công báo Bra-xin (DOU - Diário Oficial da União), đã được thông qua bởi Hướng dẫn Quy chuẩn số 215, ngày 2 tháng 3 năm 2023.  Văn bản cuối cùng chỉ có bằng tiếng Bồ Đào Nha và có thể tải xuống tại: <http://antigo.anvisa.gov.br/documents/10181/6520401/IN_215_2023_.pdf/e95d83c1-7c11-46d0-b8a8-9171331910e1>  Phụ lục này liên quan đến: Thông báo về việc thông qua, công bố hoặc có hiệu lực của quy định |
| 28 | G/SPS/N/BRA/2092 /Add.1 | ATTP, BVTV | Bra-xin | 21/3/2023 | Dự thảo Nghị quyết số 1122, ngày 27 tháng 10 năm 2022 | Dự thảo Nghị quyết RDC số 1122, ngày 27 tháng 10 năm 2022 - đã được thông báo thông qua G/SPS/N/BRA/2092 - đề xuất đưa vào các hoạt chất A18 – abamectin, c02 – captana, c40 – chlorfenapir, c63 - lambda- cylothrin, c70 – chlorantraniliprole, c74 – cyantraniliprole, d27 –2.4–d, d41 – diafentiurom, f37 – phenpyroximate, g05.1 – ammonium glufosinate, i10 – imazetapir, i13 – imidaclopride, l05 – lufenurom, m02 – mancozeetbe, m1 – , p50 – picoxystrobin, p53 – prothioconazole vào danh sách chuyên khảo về các thành phần hoạt chất cho thuốc trừ sâu, chất khử trùng và chất bảo quản gỗ, được công bố bởi Chỉ thị quy phạm số 103 - 19 tháng 10 năm 2021 trên Công báo Bra-xin (DOU - Diário Oficial da União), đã được thông qua bởi hướng dẫn Quy chuẩn số 214, ngày 1 tháng 3 năm 2022. Văn bản cuối cùng chỉ có bằng tiếng Bồ Đào Nha và có thể tải xuống tại: <http://antigo.anvisa.gov.br/documents/10181/6509356/IN_214_2023_.pdf/402a5c1e-4c2e-419b-af41-f04734c27a70>  Phụ lục này liên quan đến: Thông báo về việc thông qua, công bố hoặc có hiệu lực của quy định |

Chi tiết đăng tải các thông báo tại website: [www.spsvietnam.gov.vn](http://www.spsvietnam.gov.vn)